

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020)



Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tel: (0290) 3831608

Fax: 0290 3580827

Website: cmmseafood.com.vn

Email: camimex@camimex.com.vn

Vốn điều lệ đã góp:

630.000.000.000 đồng

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:
Ông: Nguyễn Hoài Linh – Thành viên Ban kiểm soát
SDT: 0837047939
Email: nhlinh@camimex.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM	1
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	2
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	2
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	12
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:	17
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	18
5.1.	Danh sách Công ty mẹ của CTCP Camimex	18
5.2.	Danh sách Công ty con của CTCP Camimex	18
5.3.	Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Camimex.....	19
6.	Hoạt động kinh doanh	19
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020, 2021 và cập nhật đến Quý gần nhất năm 2022	27
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	30
9.	Chính sách đối với người lao động	33
10.	Chính sách cổ tức	35
11.	Tình hình tài chính	35
12.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	46
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	49
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng.....	50
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	50
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	53
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
1.	Hội đồng quản trị.....	53
2.	Ban kiểm soát	58
3.	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	60
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	61
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	62
6.	Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)	62
IV.	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM	62

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ 63

PHỤ LỤC 02: THỐNG KÊ CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THEO BCTC HỢP NHẤT..... 75

11/11/2011


I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Công ty đại chúng, Camimex Corp	Công ty Cổ phần Camimex
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
HĐQT	Hội đồng quản trị
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
NNB	Người nội bộ
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TTCK	Thị trường Chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VASEP	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
Tên tiếng Anh:	CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY
Logo:	
Người đại diện pháp luật:	Ông BÙI SĨ TUẤN – Chủ tịch HĐQT
Trụ sở chính:	Số 333 đường Cao Thắng, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Số điện thoại:	(0290) 3831608
Số fax:	(0290) 3580827
Email:	camimex@camimex.com.vn
Vốn điều lệ đăng ký:	630.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	630.000.000.000 đồng
Giấy CN ĐKDN:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020.
Ngày được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng:	26/05/2022
Ngành nghề kinh doanh chính	- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản - Nuôi trồng thủy sản biển - Nuôi trồng thủy sản nội địa

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: CMM
- Tổng số chứng khoán phát hành: 63.000.000 cổ phiếu
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 56.950.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu không đăng ký giao dịch: 6.050.000 cổ phiếu

Căn cứ theo công văn số 3158/UBCK-GSDC ngày 26/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phân vốn góp bằng quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu (nhãn hiệu Hatchery Shrimp Camimex và Camimex) có giá trị là 60,5 tỷ đồng tương đương 6,05 triệu cổ phần, Công ty cổ phần Camimex Group sẽ không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến phần vốn góp này cho tới khi có hướng dẫn cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, Công ty chưa thực hiện ĐKGD đối với lượng cổ phiếu này.

- Giới hạn về tỷ lệ sở hữu đối với người nước ngoài: 0%
Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tuân thủ theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; Luật đầu tư số 61/2020/QH14; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Camimex là 0% theo công văn số 3924/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 của UBCKNN.
Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2013** Ngày 10/05/2013, HĐQT CTCP Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (hiện nay là CTCP Camimex Group) có Quyết định về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty TNHH Thủy sản Camimex (viết tắt là Camimex Corp).
- Ngày 06/06/2013, Công ty TNHH Thủy sản Camimex chính thức được thành lập với vốn điều lệ 354,5 tỷ đồng tập trung vào hoạt động chế biến và kinh doanh các sản phẩm tôm. Trong đó, Công ty mẹ - CTCP Camimax Group chiếm 99,7% vốn điều lệ.
- Năm 2017** Công ty tăng vốn từ 354,5 tỷ đồng lên 415 tỷ đồng thông qua việc nhận góp vốn bằng thương hiệu là quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu HATCHERY SHRIMP CAMIMEX và CAMIMEX từ CTCP Camimex Group. Với một công ty mới thành lập việc nhận góp vốn bằng thương hiệu giúp Công ty tăng cường độ nhận dạng đặc biệt với thị trường quốc tế nơi mà CTCP Camimex Group vốn đã có khách hàng, đối tác từ đó giúp Công ty đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu.
- Năm 2018** Để phù hợp với định hướng công ty có thể phát triển mở rộng ra các ngành nghề khác ngoài thủy sản, ngày 24/10/2018, ban lãnh đạo Công ty đã đổi tên Công ty từ “Công ty TNHH Thủy sản Camimex” thành “Công ty TNHH Camimex”.
- Với mục đích mở rộng quy mô hoạt động, thu hút thêm các cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình phát triển của Công ty từ đó gia tăng quy mô vốn chủ, giảm tỷ lệ nợ vay đồng thời tạo tiền đề để tham gia vào thị trường chứng khoán, Ban lãnh đạo Công ty nhận định việc Camimex Corp chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty trách nhiệm sang Công ty cổ phần là tất yếu.
- Năm 2019** Ngày 14/02/2019, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Camimex. Mức vốn điều lệ đăng ký là 515.000.000.000 VNĐ (Năm trăm mười lăm tỷ đồng).
- Năm 2020** Công ty tăng vốn điều lệ lên 630 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020.
- Năm 2021** Trong năm 2021, Camimex Corp đạt cột mốc sản lượng sản phẩm các loại hơn 7.000 tấn, doanh thu thu về lần đầu tiên cán mốc hơn 2.000 tỷ - cao nhất kể từ khi thành lập.
- Năm 2022** Ngày 26/05/2022, Công ty nhận được công văn số 3158/UBCK-GSDC ngày 26/05/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc trở thành công ty đại chúng.

Các thành tựu đạt được

- Trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển, từ 03 nhà máy có công suất khoảng 10.000 tấn/năm với máy móc thiết bị lạc hậu thì đến nay công suất các nhà máy của Công ty đã lên đến hơn 18.000 tấn/năm, tuân thủ nghiêm ngặt theo các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP, HACCP, ISO, BRC... và các yêu cầu cao nhất của khách hàng để tạo ra những loại sản phẩm tươi tốt, vệ sinh cao, đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt nhất của khách hàng. Cùng với đó, Doanh thu Công ty cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ mức 66 tỷ năm 2013, 705 tỷ năm 2014 lên hơn 2.000 tỷ năm 2021.
- Kể từ ngày xuất khẩu đơn hàng đầu tiên (ngày 14/11/2013), đến nay các sản phẩm của Camimex Corp đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đặc biệt tập trung vào các thị trường khó tính như Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Hàn Quốc,....

1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn điều lệ như sau:

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (tr.đồng)		Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
		Thực góp tăng thêm	Thực góp sau tăng vốn		
I Công ty TNHH					
	06/2013	344.785	344.785	Góp vốn thành lập	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/06/2013
1	01/2017	70.215	415.000	- Góp vốn bằng công nợ, chi phí XDCB dở dang và tiền	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2017
2	10/2018	1.800	416.800	Góp vốn bằng tiền	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/10/2018
II CTCP					
3	02/2019	98.200	515.000	- Chào bán riêng lẻ: 6.000.000 cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu thường: 3.820.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/02/2019
4	08/2019	40.000	555.000	Chào bán riêng lẻ: 4.000.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/08/2019

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (tr.đồng)		Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
		Thực góp tăng thêm	Thực góp sau tăng vốn		
5	03/2020	25.000	580.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.500.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2020
6	06/2020	50.000	630.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020

Nguồn: CTCP Camimex Chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

1.4.1. Góp vốn thành lập: 344,78 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - Quyết định số 04/CAMIMEX/HĐQT-QĐ ngày 10/05/2013 của CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau;
 - Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 30/06/2013;
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/06/2013;
 - Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Camimex số 0802/BB.HĐTV ngày 08/02/2019 về việc thay đổi góp vốn bằng quyền sử dụng đất thành góp vốn bằng tiền;
 - Nghị quyết HĐQT của CTCP Camimex Group số 0701/NQ.HĐQT.CMC.2022 ngày 07/01/2022 V/v: thay đổi tài sản góp vốn tại CTCP Camimex;
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường của CTCP Camimex số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 ngày 07/01/2022 V/v: thay đổi loại tài sản góp vốn của CTCP Camimex Group.
- Giá trị góp vốn: 344.784.521.653 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tặng: 344.784.521.653 đồng
- Hình thức góp vốn: CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group): góp vốn bằng tài sản, tiền
 - Ngày 06/06/2013, Công ty TNHH Thủy sản Camimex được chính thức thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu trên cơ sở vốn điều lệ đăng ký là 354.500.000.000 đồng.
 - Theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 30/06/2013 của Hội đồng thẩm định giá tài sản góp vốn, CTCP Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (nay là CTCP Camimex Group) góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH thủy sản Camimex với tổng số tiền là 344.784.521.653 đồng. Trong đó:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị	Căn cứ
1	Tài sản hữu hình	161.800.319.202 đồng	Theo chứng thư Chứng thư thẩm định giá số 333-13/BC-ĐG/ĐG-VAE do

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị	Căn cứ
			Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam ban hành ngày ngày 16/05/2013
2	Tài sản vô hình	98.279.988.668 đồng	Chứng thư thẩm định giá số Vc13/05/322/BDS do CTCP Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ ban hành ngày 10/05/2013
3	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	72.117.517.142 đồng	Xác định theo giá trị đầu tư thực tế đã đầu tư căn cứ theo Biên bản nghiệm thu và hóa đơn
4	Vật tư, công cụ dụng cụ, bao bì	12.586.696.641 đồng	Xác định theo giá trị sổ sách kết hợp với việc đánh giá tình trạng sử dụng hiện còn của tài sản
	Tổng cộng	344.784.521.653 đồng	

- Tuy nhiên do vướng mắc trong chuyển nhượng quyền sử dụng đất ảnh hưởng đến quá trình góp vốn, định giá các quyền sử dụng đất góp vốn nên Công ty đã thay đổi tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất sang hình thức góp vốn bằng tiền. Việc thay đổi loại tài sản góp vốn nêu trên căn cứ khoản 2 Điều 48 Luật doanh nghiệp 2014: “...Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại”,

Cụ thể:

TT	Loại tài sản đã góp vốn	Giá trị vốn góp (đồng)	Loại tài sản thay thế	Giá trị tiền (đồng)	Căn cứ thực hiện
1	Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt, phường 06, TP Cà Mau (Đất thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 19)	48.632.084.000	Tiền	48.632.084.000	Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Camimex số 0802/BB.HĐTV ngày 08/02/2019 về việc thay đổi góp vốn bằng quyền sử dụng đất thành góp vốn bằng tiền
2	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 08, TP Cà Mau, Cà Mau (Đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 58)	26.105.848.000	Tiền	26.105.848.000	- Nghị quyết HĐQT của CTCP Camimex Group số 0701/NQ.HĐQT.C MC.2022 ngày 07/01/2022 V/v: thay đổi tài sản góp vốn tại CTCP Camimex
3	Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 08, TP Cà Mau, Cà	23.194.665.000	Tiền	23.194.665.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường của CTCP Camimex

Mau (Đất thuộc thửa số 08 tờ bản đồ số 58)	-			số 01/NQĐHĐCĐ.CM C.2022 ngày 07/01/2022 V/v: thay đổi loại tài sản góp vốn của CTCP Camimex Group
Tổng cộng	97.932.597.000		97.932.597.000	

1.4.2. Tăng vốn lần 1: từ 344,7 tỷ đồng lên 415 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết Hội đồng thành viên Công ty TNHH thủy sản Camimex số 1001/CAC.HĐTV.NQ-2017 ngày 10/01/2017 thông qua việc tăng vốn thêm 60,5 tỷ bằng việc nhận chuyển nhượng tài sản;
 - Nghị quyết HĐTV công ty TNHH Thủy sản Camimex số 3103/CAC.HĐTV.NQ-2017 ngày 31/03/2017 thông qua việc nhận góp vốn bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (9,665 tỷ đồng);
 - Biên bản bàn giao tài sản góp vốn số 10.01.2017/BB/Camimex ngày 10/01/2017;
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2017.
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 344.784.521.653 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 70.215.478.347 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 415.000.000.000 đồng
- Hình thức góp vốn:
 - CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group) góp vốn bằng công nợ (60,5 tỷ đồng) và chi phí xây dựng dở dang (hơn 9,665 tỷ đồng).
 - Ông Bùi Sĩ Tuấn góp vốn bằng tiền mặt: 50 triệu đồng.

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị (đồng)	Căn cứ
1	Công nợ phải trả phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng tài sản là Quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ	60.500.000.000	Nghị quyết Hội đồng thành viên Công ty TNHH thủy sản Camimex số 1001/CAC.HĐTV.NQ-2017 ngày 10/01/2017 thông qua việc tăng vốn thêm 60,5 tỷ bằng việc nhận chuyển nhượng tài sản
1.1	Giá trị quyền sở hữu nhãn hiệu HATCHERY SHRIMP CAMIEX	6.712.480.949	- Chứng thư thẩm định giá số 10/2017/CT-TĐV do Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Việt ban hành ngày 08/12/2016; - Giấy chứng nhận Đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 9471/ĐKHĐSH ngày 29/12/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ
1.2	Giá trị quyền sở hữu nhãn hiệu CAMIMEX	56.195.193.229	- Chứng thư thẩm định giá số 59/2016/CT-TĐV do Công ty TNHH Thẩm định và Tư vấn Việt ban hành

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị (đồng)	Căn cứ
			ngày 03/08/2016; - Giấy chứng nhận Đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 9470/ĐKHĐSH ngày 29/12/2016 của Cục Sở hữu trí tuệ
1.3	Giá trị công nợ còn lại không tính vào giá trị vốn góp	2.407.674.178	
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Xí nghiệp 5	9.665.478.347	Nghị quyết HĐQT công ty TNHH Thủy sản Camimex số 3103/CAC.HĐTV.NQ-2017 ngày 31/03/2017 thông qua việc nhận góp vốn bằng chi phí xây dựng CB dở dang
3	Tiền	50.000.000	Phiếu thu tiền mặt ngày 30/12/2017
	Tổng cộng	70.215.478.347	

- Mục đích sử dụng vốn:

Đối với phần tài sản góp vốn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Công ty tiếp tục sử dụng thương hiệu và các công trình nhà máy xí nghiệp 5. Đối với tiền mặt thu được Công ty sử dụng mua vật tư, chi tiết như sau:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Chi tiền mua vật tư sử dụng cho xí nghiệp (đồ điện)	50.000.000	30/12/2017

1.4.3. Tăng vốn lần 2: từ 415 tỷ đồng lên 416,8 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết Hội đồng thành viên của Camimex Corp về việc nhận góp vốn bằng tiền số 240218.1/QN-HĐTV ngày 24/02/2018;
- Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/10/2018

- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 415.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ tăng thêm: 1.800.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 416.800.000.000 đồng

- Hình thức tăng vốn: CTCP Camimex Group góp vốn bằng tiền

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị (đồng)	Căn cứ
1	Tiền	1.800.000.000	Giấy xác nhận giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ngày 17/10/2018

- Mục đích sử dụng vốn: Trả tiền tôm nguyên liệu

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Trả tiền tơm nguyên liệu Công ty TNHH Thủy sản Thủy Trâm	396.258.750	02/11/2018
2	Trả tiền tơm nguyên liệu Công ty TNHH MTV Sản xuất tơm giống sinh thái - Camimex	1.500.044.505	02/11/2018
	Tổng cộng	1.896.303.255	

1.4.4. Tăng vốn lần 3: từ 416,8 tỷ đồng lên 515 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết HĐQT số 311218/NQ-HĐTV ngày 31/12/2018 về việc chào bán riêng lẻ và trích thặng dư để thưởng cho CBNV.
 - Nghị quyết ĐHCĐ số 200319/BB-ĐHCĐ.2019 ngày 20/03/2019 của CTCP Camimex về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho CBNV từ nguồn vốn quỹ khen thưởng và thặng dư cổ phần.
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/02/2019
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 416.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 98.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 515.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phần riêng lẻ và phát hành thưởng cho cán bộ nhân viên
Trong đó:
 - **Chào bán riêng lẻ**

Số lượng phát hành	6.000.000 cổ phiếu
Đối tượng phát hành	Nhà đầu tư riêng lẻ
Giá phát hành	15.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị phát hành	90.000.000.000 đồng
Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có
Số lượng nhà đầu tư tham gia	01
 - **Phát hành thưởng cho cán bộ nhân viên**

Số lượng phát hành	3.820.000 cổ phiếu
Đối tượng phát hành	Cán bộ công nhân viên Công ty
Nguồn phát hành	Quỹ khen thưởng: 15.000.000.000 đồng Thặng dư vốn cổ phần: 23.200.000.000 đồng
Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có
Số lượng CBNV tham gia	83

- Mục đích sử dụng vốn:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Chi ứng mua tôm nguyên liệu theo HĐ số 07A/PKHĐNL-2019 ngày 31/03/2019 cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	90.000.000.000	19/04/2019- 17/05/2019
	Tổng cộng	90.000.000.000	

1.4.5. Tăng vốn lần 4: từ 515 tỷ đồng lên 555 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 số 0107/NQ.ĐHĐCĐ ngày 10/07/2019 về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ.
 - Nghị quyết HĐQT số 0107/NQ.HĐQT ngày 31/07/2019 về việc phê chuẩn phát hành;
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/08/2019.
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 515.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 555.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phần riêng lẻ.

Số lượng phát hành	4.000.000 cổ phiếu
Đối tượng phát hành	Nhà đầu tư riêng lẻ
Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị phát hành	40.000.000.000 đồng
Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có
Số lượng nhà đầu tư tham gia	01
- Mục đích sử dụng vốn:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Mua tôm nguyên liệu	42.649.720.909	26/12/2019-06/02/2020
2	Cước vận chuyển	1.069.310.369	17/01/2020-06/02/2020
3	Phí kiểm nghiệm	314.633.000	17/01/2020
4	Phí lưu kho	323.560.831	06/02/2020
5	Bao bì	391.580.000	06/02/2020
	Tổng cộng	44.748.805.109	

1.4.6. Tăng vốn lần 5: từ 555 tỷ đồng lên 580 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:

- Quyết định ĐHĐCĐ số 01/QĐ.ĐHĐCĐ-CMC ngày 06/03/2020 về việc chào bán cổ phần cho CĐHH;
 - Quyết định HĐQT số 02/QĐ.HĐQT-CMC ngày 27/03/2020 về kết quả phát hành và thay đổi VDL;
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2020
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 555.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ tăng thêm: 25.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 580.000.000.000 đồng
 - Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Số lượng phát hành	2.500.000 cổ phiếu
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu
Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị phát hành	25.000.000.000 đồng
Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Không có
 - Mục đích sử dụng vốn:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Mua tôm nguyên liệu	20.933.839.111	24/02/2020-21/04/2020
2	Trả tiền bao bì	1.380.647.795	05/03/2020-08/04/2020
3	Chi ứng phí	2.431.456.000	09/03/2020-13/03/2020
4	Trả tiền muối	56.250.000	08/04/2020
5	Trả tiền hóa chất	141.908.000	08/04/2020
6	Phí kiểm nghiệm tháng	166.842.500	08/04/2020
7	Cước vận chuyển tháng	152.541.224	08/04/2020
	Tổng cộng	25.263.484.630	

1.4.6. Tăng vốn lần 6: từ 580 tỷ đồng lên 630 tỷ đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - Quyết định ĐHĐCĐ số 02/QĐ.ĐHĐCĐ-CMC ngày 16/05/2020 về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - Quyết định HĐQT số 02/QĐ.HĐQT-CMC ngày 08/06/2020 về kết quả phát hành và thay đổi vốn điều lệ;
 - Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020.
- Vốn điều lệ thực góp trước khi tăng: 580.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng: 630.000.000.000 đồng

- Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành **5.000.000** cổ phiếu
- Đối tượng phát hành Cổ đông hiện hữu
- Giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị phát hành 50.000.000.000 đồng
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng Không có

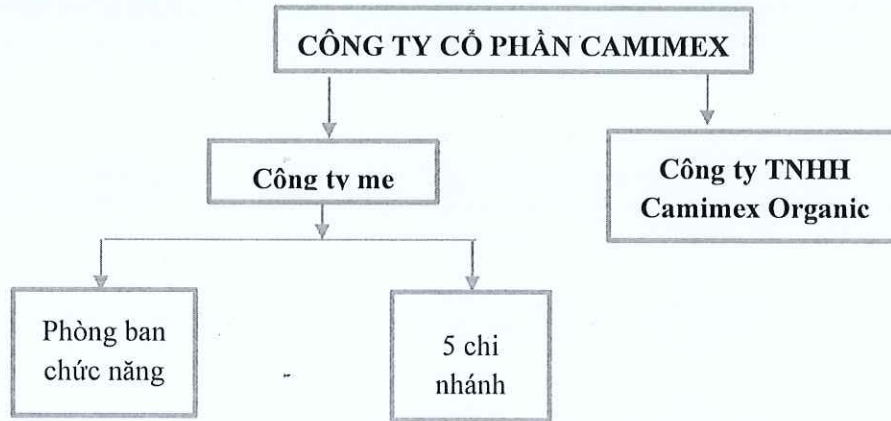
- Mục đích sử dụng vốn:

TT	Khoản mục	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Tôm nguyên liệu	52.099.869.471	15/05/2020-05/06/2020
2	Trả tiền vật tư	1.939.292.085	03/06//2020-05/06/2020
	Tổng cộng	54.039.161.556	

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty

- Ngày đáp ứng là công ty đại chúng: 25/09/2020
- Cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:
 - Tổng số cổ đông: 171 cổ đông
 - Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 170 cổ đông
 - Tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông không phải cổ đông lớn là 14.685.000 cổ phần tương ứng với 23,31% vốn điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Stt	Cơ cấu tổ chức công ty	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
2	Công ty con: Công ty TNHH Camimex Organic	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
3	Chi nhánh Xí nghiệp 1	999A đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, P6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
4	Chi nhánh Xí nghiệp 2	Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau
5	Chi Nhánh Xí Nghiệp 4	224 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, Tp. Cà Mau
6	Chi Nhánh Xí Nghiệp 5	999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau

Stt	Cơ cấu tổ chức công ty	Địa chỉ
7	Chi nhánh tại TP.HCM	33/3 Đường Gò Ô Môi, KP2, P. Phú Thuận, Q7, Tp.HCM

Một số hình ảnh trụ sở và xí nghiệp của Công ty



Lưu ý:

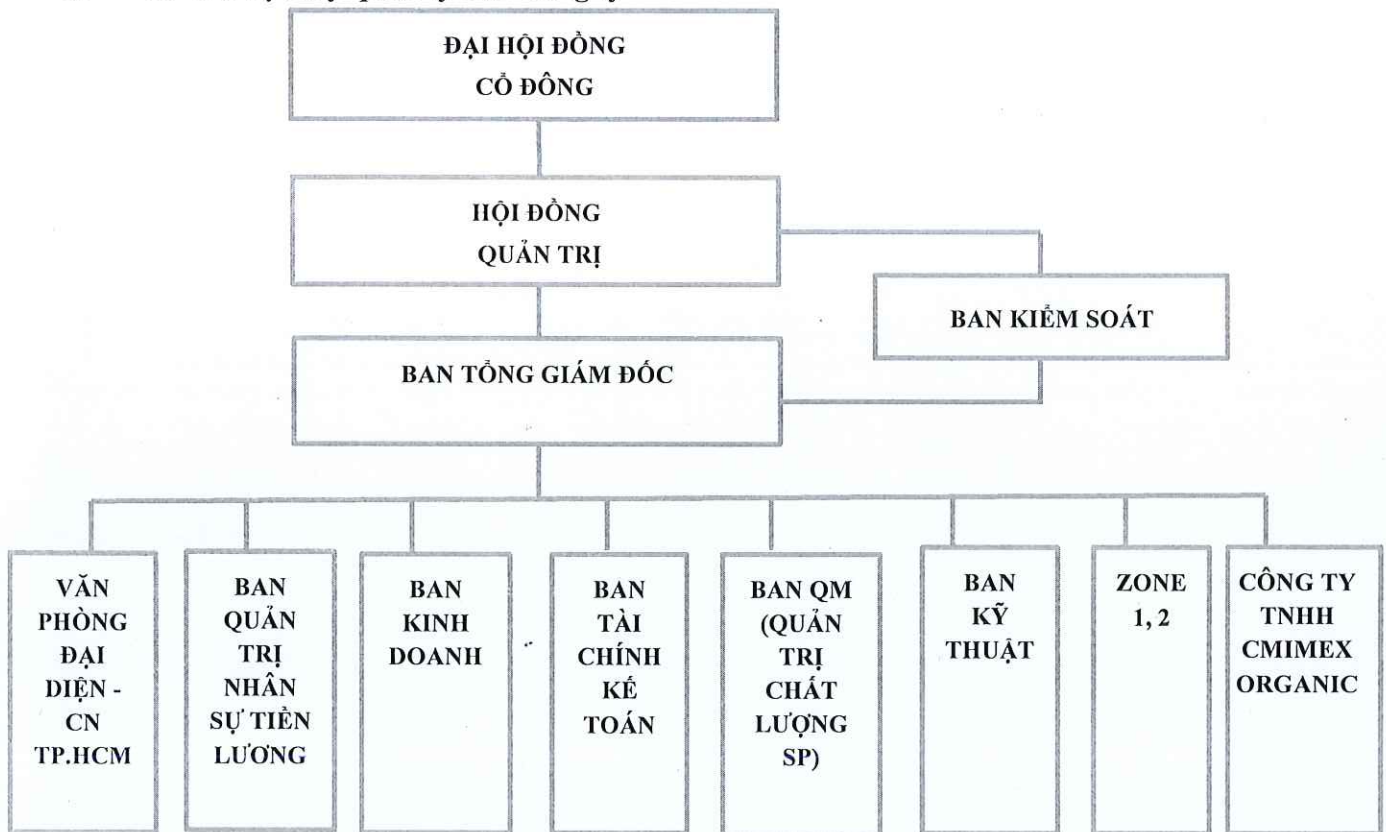
Ngày 30/12/2021, Hội đồng quản trị CTCP Camimex ("Camimex") đã ban hành Quyết định số 3012/2021/ĐT.NQ-HĐQT về việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Camimex Farm ("Camimex Farm"), địa chỉ: ấp Nam Chánh, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Theo đó, ngày 27/05/2022, Camimex Farm đã thực hiện thủ tục thay đổi thông tin thành viên góp vốn tại Phòng đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 2001353185 thay đổi lần thứ 03. Trong đó, vốn điều lệ đăng ký của Camimex Farm là 453 tỷ đồng, Camimex cam kết góp 250 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ sở hữu 55,188%.

Như vậy, theo giấy ĐKDN Camimex Farm là công ty con chịu sự kiểm soát của Camimex. Theo quy định tại Chuẩn mực số 25. Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con Ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: "Công ty con: Là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác (gọi là công ty mẹ) do đó, đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã ghi nhận Camimex Farm là công ty con của Camimex tại BCTC soát xét giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022 của Camimex. Tuy nhiên do Camimex chưa góp vốn vào Camimex Farm nên tại BCTC soát xét chưa ghi nhận giá trị đầu tư góp vốn (theo thuyết minh số V.2b).

Đến thời điểm hiện tại, do có một số khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục đất đai, xin phê duyệt vùng nuôi của Camimex Farm, đồng thời Camimex vẫn chưa sắp xếp đủ nguồn vốn nên Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Camimex Farm như kế hoạch. Dự kiến đến quý 2/2023, khi dự án tại Camimex Farm bắt đầu triển khai và Camimex thu xếp đủ nguồn, Công ty sẽ hoàn thành việc góp vốn như đăng ký.

Camimex cam kết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Công ty sẽ điều chỉnh thông tin về Công ty con theo tỷ lệ góp vốn thực tế.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Camimex

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của Camimex Corp gồm có 01 (một) Chủ tịch, 04 (bốn) thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 thành viên BKS, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban TGD của Công ty gồm có 01 (một) TGD, 01 (một) Phó TGD và 01 (một) Kế toán trưởng (“KTT”). TGD do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó TGD và KTT do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của TGD.

Ban TGD hiện nay của Công ty là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

3.5 Chi nhánh – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Thực hiện quảng bá sản phẩm Tôm của Công ty tới khách hàng, tham gia các chương trình hội chợ, triển lãm;
- Hoạt động kho bãi cho thuê của Công ty và các chức năng khác công ty giao;
- Đảm nhiệm đại diện giao dịch với các khách hàng trong và ngoài nước tại TP. Hồ Chí Minh.

3.6 Các Phòng ban công ty

❖ Ban quản trị Nhân sự Tiền lương

- Phụ trách quản trị nhân sự, sắp xếp bộ máy quản lý điều hành, sản xuất theo yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Hoạch định, tuyển dụng và đào tạo, đánh giá năng lực nhân sự, xử lý vi phạm kỷ luật, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của người lao động.
- Phụ trách lao động tiền lương, chế độ phúc lợi và thực hiện chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.
- Phụ trách soạn thảo, ban hành và cập nhật hồ sơ về chính sách xã hội.

❖ Ban Kinh doanh

- Bao gồm các phòng chức năng trực thuộc: Phòng Bán hàng, Phòng Mua hàng, Phòng Chứng từ, Phòng Kho. Phụ trách công tác mua hàng, bán hàng, chứng từ xuất nhập khẩu và quản lý kho;
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn khách hàng trong và ngoài nước, chiến lược và các hoạt động tiếp thị, quản lý xuất khẩu hàng hóa của công ty;
- Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và cung cấp thông tin hai chiều tạo nên sự hiểu biết và ủng hộ của công chúng đối với thương hiệu và các sản phẩm của Công ty.
- Quản lý các kho thành phẩm, kho vật tư công ty.

❖ Ban Tài chính - Kế toán (Phòng Kế toán tài vụ)

- Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình và kết quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng kinh phí của công ty;
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ kinh doanh, chỉ tiêu thu chi tài chính, thu nộp, thanh toán, kiểm tra việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, kinh phí;

- Báo cáo, cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi thực hiện kế hoạch, phục vụ cho công tác quản trị;
- Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê, báo cáo tài chính quyết toán của công ty theo đúng quy định;
- Phối hợp theo dõi tình hình thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách (thuế nhập khẩu, thuế GTGT, các khoản thuế khác). Thực hiện hồ sơ hoàn thuế GTGT, thuế TNCN,... đề xuất các biện pháp kịp thời nhằm đạt được kết quả công nhận quyết toán thuế tại công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu, chứng từ kế toán.

❖ Ban QM (Quản lý chất lượng sản phẩm)

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty;
- Cùng các Phòng, Ban và Zone nghiên cứu thử nghiệm phát triển mặt hàng mới;
- Cải tiến công nghệ phù hợp theo sự phát triển của thị trường về yêu cầu chất lượng sản phẩm;
- Cập nhật và nắm rõ tiêu chuẩn các thị trường xuất khẩu;
- Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng cảm quan nguyên liệu và thành phẩm;
- Kết hợp với Giám đốc Zone lên kế hoạch sản xuất hàng đạt theo tiêu chuẩn của từng thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- Trực tiếp làm việc với khách và báo lịch kiểm hàng đến các Zone;
- Triển khai các tiêu chuẩn mới của khách hàng;
- Chịu trách nhiệm về đánh giá và duy trì các tiêu chuẩn: EU Organic, Naturland Organic, Biosuisse, Nafi 5, BRC, HACCP, BAP, ASC,...

❖ Ban Kỹ Thuật

- Kiểm tra công nghệ chế biến của các nhà máy, nhận chuyển giao đổi với các thiết bị máy móc từ nước ngoài;
- Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các nhà máy đã và đang trong quá trình hoạt động vận hành chế biến tôm;
- Xây dựng các chỉ tiêu máy móc, phối hợp với phòng sản xuất nhằm tối ưu hóa năng suất của mỗi nhà máy chế biến;
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về Công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty;
- Quản lý sử dụng, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các nhà máy chế biến của Công ty;

3.7 Zone 1, Zone 2 (Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5)

- Zone 1 và Zone 2 tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4 và Xí nghiệp 5;
- Lên kế hoạch sản xuất, chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên HĐQT, Ban TGD;
- Báo cáo tình hình hoạt động của các thiết bị máy móc: sửa chữa hỏng hóc, khấu hao tài sản; thay thế phụ tùng nếu có;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần/tháng/quý;
- Tổ chức việc phân công ca cho khối công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến trong quá trình các nhà máy hoạt động.

3.8 Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21% tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/07/2022 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	110	63.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	110	63.000.000	100%
	- Tổ chức	01	48.315.000	76,69%
	- Cá nhân	109	14.685.000	23,31%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	110	63.000.000	100%
1	Cổ đông lớn	01	48.315.000	76,69%
2	Cổ đông khác	109	14.685.000	23,31%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	110	63.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Camimex ngày 13/07/2022

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/07/2022 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Giấy CN ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	CTCP Camimex Group	Số 2000103908 Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12/01/2006	Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau	48.315.000	76,69%
	Tổng cộng			48.315.000	76,69%

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Camimex ngày 13/07/2022

4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Căn cứ Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2020, cổ phiếu do cổ đông sáng lập sở hữu tại thời điểm đăng ký thành lập công ty cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN (hạn chế chuyển nhượng từ ngày 14/02/2019 đến ngày 14/02/2022). Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đại chúng, những Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

5.1. Danh sách Công ty mẹ của CTCP Camimex

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Camimex Group
- Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 2000103908 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 01/12/2021.
- Địa chỉ : Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, P.8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - ✓ Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
 - ✓ Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi tôm.
 - ✓ Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- Vốn điều lệ : 908.175.020.000 đồng.
- Vốn đầu tư tại CTCP Camimex : 483.150.000.000 đồng tương ứng với 76,69% vốn điều lệ

5.2. Danh sách Công ty con của CTCP Camimex

- Tên công ty : Công ty TNHH Camimex Organic
- Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 2001014506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 07/04/2011 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 03/12/2020
- Địa chỉ : ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- Ngành nghề kinh doanh :
 - ✓ Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

✓ Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Vốn điều lệ thực góp : 50.500.000.000 đồng
 Vốn đầu tư của CTCP Camimex : 40.000.000.000 đồng.
 Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ biểu quyết và : 79,21%
 tỷ lệ lợi ích của CTCP Camimex

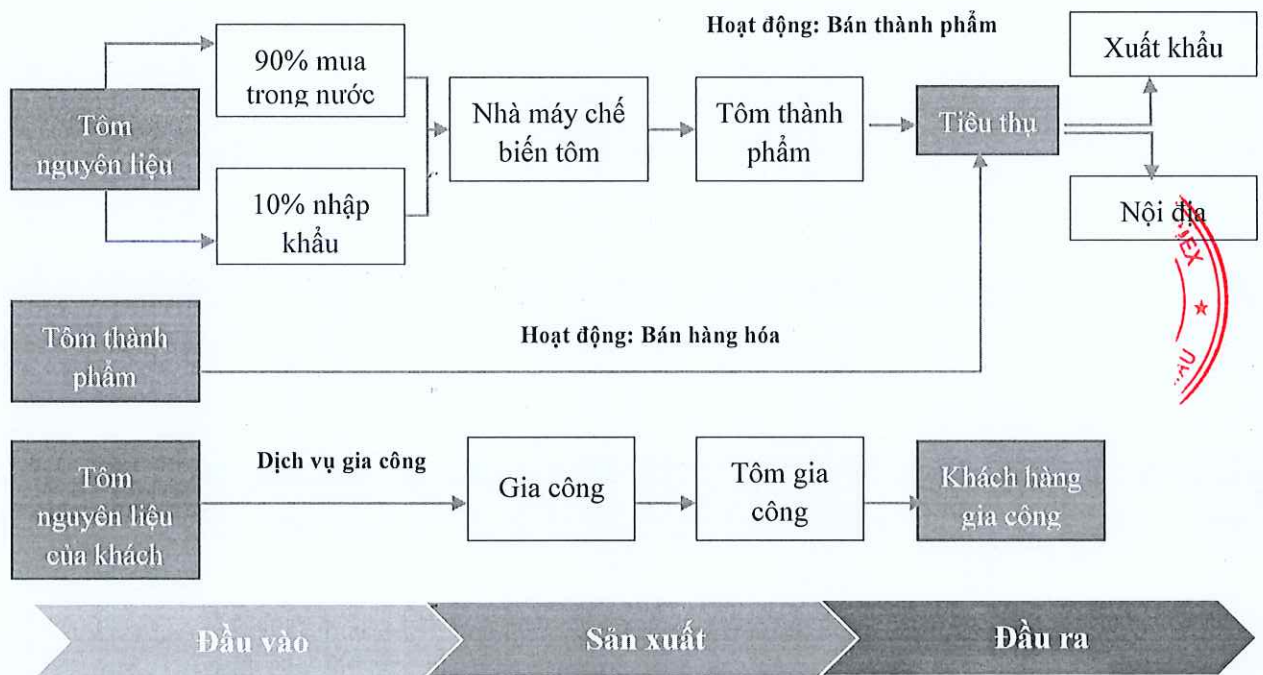
5.3. Danh sách Công ty liên doanh liên kết của CTCP Camimex

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ của Công ty.

6.1.1. Sản phẩm/dịch vụ của Công ty



a. Bán thành phẩm

Hoạt động chính của CTCP Camimex là chế biến và xuất khẩu tôm thủy sản tạo ra nguồn doanh thu chính cho Công ty từ hoạt động bán thành phẩm. Chuỗi hoạt động xuất khẩu tôm của Công ty trải từ công tác thu mua nguyên liệu từ các đại lý, nhà cung cấp đến khâu chế biến tại nhà máy và đem phân phối sản phẩm tại các thị trường trong nước cũng như xuất khẩu (Châu Âu, Mỹ, Canada, Nhật, Hàn,...). Trong đó:

- **Nguồn nguyên liệu đầu vào** của Công ty là các loại tôm sú, tôm thẻ được thu mua chủ yếu trong nước từ các hộ nông dân tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long (khoảng 90%) và nhập khẩu từ Ấn Độ (khoảng 10%).
- **Nhà máy chế biến:** Sau quá trình thu mua tôm nguyên liệu bên ngoài, tôm được chuyển đến các nhà máy chế biến. Hiện tại, Công ty sở hữu 3 nhà máy chế biến tôm với tổng công suất hơn 18.000 tấn/năm

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Công suất	Sản phẩm
1	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2	Khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.240 tấn/năm	tôm PTO tươi, tôm PTO hấp, Tôm tằm bột, tôm shushi

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Công suất	Sản phẩm
2	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4	224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.120 tấn/năm	Tôm Nobashi, Tôm tằm bột, Tôm Block, tôm PTO tươi
3	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5	999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.000 tấn/năm	Tôm PTO, PD tươi; Tôm PTO, PD hấp; tôm tằm bột
	Tổng cộng		18.360 tấn/năm	

- **Các sản phẩm chủ yếu của Công ty gồm:**

- **Tôm tươi:** tôm nguyên con (HOSO) đông Semi - IQF, tôm HLSO (tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) đông IQF, tôm lột vỏ chưa đuôi (PTO) đông IQF, PD (tôm lột hết vỏ) đông IQF, HLSO Block,...
- **Tôm hấp:** tôm nguyên con (HOSO) hấp đông IQF, tôm nguyên con xiên que hấp đông IQF, tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) hấp đông IQF, tôm lột vỏ còn đuôi (PTO) hấp đông IQF, PD hấp đông IQF,.....
- **Sản phẩm giá trị gia tăng:** tôm Nobashi, tôm tằm bột, tôm tằm bột chiên, tôm trộn gia vị, tôm xẻ bươm, tôm cuộn bánh tráng, tôm tempura, PD xiên que đông IQF, PD xiên que hấp đông IQF,...

Các sản phẩm trên được đóng gói thành phẩm quy chuẩn bao bì 1kg, 1.8 kgs, 2 kgs, 1 lb, 2 lbs, 2.5 lbs,...

- **Hệ thống kênh phân phối**

Tôm thành phẩm được phân phối chủ yếu thông qua các hệ thống siêu thị, nhà hàng lớn ở nước ngoài. Doanh thu nước ngoài chiếm bình quân 70% tổng doanh thu.

STT	Tên khách hàng	Quốc gia
1	COOP	Thụy Sĩ
2	TRANSGOURMET	Áo/Thụy Sĩ
3	H.T.FOODS	Canada
4	RASSAU	Đức
5	DKSH	Thụy Sĩ/Đức
6	GAPRO	Thụy Sĩ
7	GUIGEL	Pháp
8	OCEANS KOREA	Hàn Quốc
9	YUUN MEE	Áo
10	EIGER	Nhật Bản
11	Thủy sản Phát Đạt	Việt Nam
12	Thủy sản Năm Căn	Việt Nam

b. Bán hàng hóa

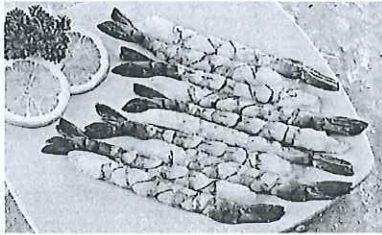
Bên cạnh tôm thành phẩm được chế biến từ nhà máy, Camimex Corp thực hiện kinh doanh mua thành phẩm từ các nhà máy, doanh nghiệp khác, không thông qua quá trình sản xuất, chế biến và trực tiếp tiêu thụ cho khách hàng trong, ngoài nước. Tuy nhiên hoạt động này chỉ

chiếm tỷ trọng thấp, từ 4-7% tổng doanh thu.

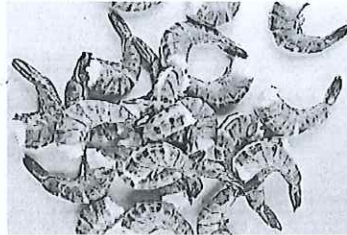
c. Cung cấp dịch vụ gia công

Tận dụng công suất, máy móc thiết bị sản xuất, Camimex Corp nhận gia công tôm nguyên liệu cho khách hàng có nhu cầu gia công sản phẩm như lột vỏ, lật đầu, cấp đông, bao đóng gói sản phẩm. Doanh thu dịch vụ là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

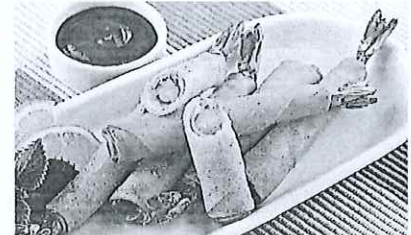
6.2. Hình ảnh một số sản phẩm của CTCP Camimex



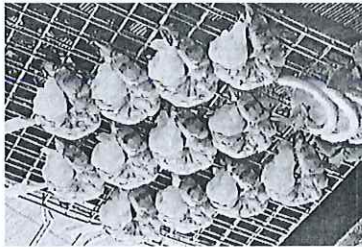
Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm lật đầu hấp



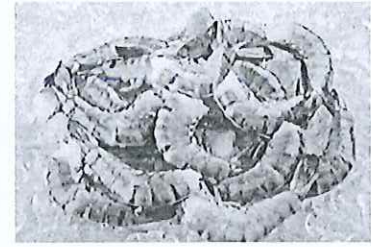
Tôm cuộn bánh tráng



Tôm sú PD xiên que



Tôm tempura



Tôm sú lật đầu



Tôm tẩm bột



Tôm sushi



Tôm sú lột



Tôm xuất khẩu



Tôm xuất khẩu

Nguồn: CTCP Camimex

6.1.2. Cơ cấu thị trường hoạt động

TT	Thị trường	Năm 2020		Năm 2021		6T/2022	
		Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ lệ (%)	Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ lệ (%)	Doanh thu (tr.đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Nước ngoài	1.249.222	88,02	1.341.591	65,74	881.816	68,76
1	Châu Âu	803.658	56,62	674.585	33,06	481.012	37,51
2	Korea	252.482	17,79	354.331	17,36	172.624	13,46
3	Japan	15.634	1,10	55.913	2,74	46.143	3,60
4	Australia	12.580	0,89	6.942	0,34	13.343	1,04
5	Canada	63.750	4,49	118.532	5,81	107.751	8,41
6	Khác	101.161	7,13	131.289	6,43	60.943	4,75
II	Trong nước	170.003	11,98	699.073	34,26	400.506	31,23
	Tổng	1.419.268	100	2.040.665	100	1.282.322	100

Nguồn: CTCP Camimex

Doanh thu năm 2021 của Công ty đạt 2.041 tỷ trong đó doanh thu nước ngoài luôn chiếm tỷ trọng lớn trên 65%. Hiện tại sản phẩm của CTCP Camimex đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2021, Công ty ghi nhận tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 58,83 triệu USD, tương ứng 1.341 tỷ đồng, tăng 8,1% so với năm 2020. Trong đó, với lợi thế là công ty sở hữu vùng nuôi sinh thái đạt tiêu chuẩn Châu Âu 834/07 và 889/08 do vậy trong những năm qua Châu Âu vẫn là thị trường xuất khẩu truyền thống chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm bình quân 42%) trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu của Công ty. Đặc biệt khi hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, hứa hẹn là cơ hội để doanh thu tại thị trường EU của Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Bên cạnh Châu Âu, Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Công ty nhờ việc tận dụng ưu đãi VKFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc). Trong năm qua, sản lượng xuất khẩu của CTCP Camimex vào thị trường này tăng từ 252 tỷ đồng lên 354 tỷ đồng.

Ngoài hai thị trường chính Châu Âu và Hàn Quốc, Công ty cũng xuất khẩu sang các thị trường khác như Nhật Bản, Mỹ, Australia, Canada,... nhưng thị phần không nhiều.

6.3. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

- Công ty tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu chính và dồi dào của cả nước nên nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu được thu mua trong nước từ các vùng chuyên nuôi và cung cấp nguyên liệu tôm như: Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, Trà Vinh,... Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất. Việc lựa chọn nhà cung cấp là một tiêu chí góp phần làm ổn định về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm. Hiện CTCP Camimex Organic (công ty con của Camimex

Corp) đang quản lý vùng nuôi tôm sinh thái 300 ha. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với hơn 1.000 nông hộ nuôi với tổng diện tích 6.034 ha, sản lượng 1.859 tấn mỗi năm, tỷ lệ độ che phủ rừng/diện tích nuôi tôm lên đến 70/30 góp phần chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào cho công ty sản xuất.

- Bên cạnh đó, khoảng 10% nguyên liệu của Công ty được nhập khẩu từ Ấn Độ để đảm bảo khi nguyên liệu trong nước không đủ số lượng theo tiêu chuẩn yêu cầu của đối tác (VD: trong nước tôm size chủ yếu 40con/kg nhưng đối tác cần loại 50con/kg).
- Hầu hết sản phẩm của Công ty là xuất khẩu nên công tác đảm bảo các điều kiện khắt khe về vệ sinh thực phẩm được Công ty đặt lên hàng đầu. Toàn bộ sản phẩm đều được Công ty tuân thủ một cách nghiêm ngặt về tiêu chuẩn quản lý chất lượng của các hệ thống quản lý chất lượng như GMP; SSOP; HACCP; BRC; ISO 9001:2000; ISO 14001:2004.
- Ngoài nguyên liệu chính, các loại nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất là bao bì carton, nylon, đồ nhựa, ... Công ty đặt hàng khi có nhu cầu đối với vật tư phục vụ sản xuất cho từng hợp đồng hoặc theo từng loại sản phẩm như thùng carton, bao bì nylon, nhãn,... các nguyên vật liệu thông thường khác hiện nay rất đa dạng, ổn định, chất lượng cao trên thị trường, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất nên Công ty luôn dự trữ theo mức tồn kho tối thiểu.

6.4.1. Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

- Do nằm trong vùng nguyên liệu tôm chính của cả nước, nên hiện nay, nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty tương đối ổn định, sự ổn định này thể hiện qua thực tế Công ty luôn có nguyên liệu chế biến trong suốt cả năm.
- Việc mua tôm nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ và đúng hạn tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.
- Tuy nhiên hiện nay việc nuôi trồng còn mang tính chất tự phát, manh mún, nên nguồn nguyên liệu có tính chất thời vụ. Khi vào mùa cao điểm, nguồn cung cấp nguyên liệu thủy sản thường dư thừa, giá giảm, khi trái mùa giá cả tăng lên nhiều nhưng nguồn cung cấp nguyên liệu không đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

6.4.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do chi phí nguyên vật liệu chính là tôm nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong chi phí giá thành sản xuất (trên 90% chi phí sản xuất) nên bất cứ sự biến động của giá cả nguyên liệu đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Giá tôm nguyên liệu biến động chủ yếu do việc áp dụng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu, điều này làm người nuôi tôm cần phải thay đổi nguồn thức ăn cho tôm, đồng thời kiểm soát chất lượng tôm thường xuyên để đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Do đó chi phí đầu tư nuôi tôm tăng lên, dẫn đến giá nguyên liệu tăng. Khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trong khi đó giá bán khó tăng theo do doanh nghiệp trong nước còn phải cạnh tranh với các thị trường xuất khẩu khác. Vì vậy, để giảm thiểu ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới hoạt động kinh doanh, công ty luôn tích cực phối hợp với các đơn vị thành viên của Camimex Group tăng tỷ lệ tự chủ nguồn nguyên liệu. Đồng thời, đầu tư hệ thống kho lạnh dự trữ lớn để đảm bảo nguồn nguyên liệu

trong những vụ trái mùa.

6.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay Camimex đang nghiên cứu áp dụng 4.0 trong nhà máy cũng như quản lý trên hệ thống, hiện đại hóa các dây chuyền sản xuất bằng máy móc thay thế lao động bằng tay chân. 90% máy móc thiết bị của Công ty được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản (máy móc thiết bị được nhập khẩu trực tiếp từ Nhật Bản hoặc sản xuất tại liên doanh Việt Nam – Nhật Bản). Công nghệ sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định, được khách hàng đánh giá cao, đồng thời có tỷ lệ hao hụt rất thấp.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong giai đoạn ngày càng cạnh tranh khốc liệt, xuất khẩu tôm của Việt Nam vấp phải sự cạnh tranh về giá bán từ các thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia và Ecuador. Việc nghiên cứu ra các sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao và chất lượng tốt về an toàn thực phẩm luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty. Camimex đã thành lập một ban chuyên môn nghiên cứu các sản phẩm mới, với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ kinh nghiệm. Đó là tích cực đa dạng hóa các sản phẩm, khảo sát nhu cầu thị trường để từ đó lựa chọn cho Công ty các thị trường mục tiêu nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hiện Công ty đang nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm mới, dịch chuyển các sản phẩm thô sang các mặt hàng giá trị gia tăng như tẩm bột, marinate, filo... và các phẩm ăn liền tempura, sushi, ring.....

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

6.5.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện nay đối với công tác quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn: BRC, IFS, EU Organic, Bio Suisse Organic, Naturland Organic, BAP, ASC, Halal,... Với các chứng nhận chất lượng đã đạt được, Công ty đủ điều kiện xuất khẩu đến hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Một số tiêu chuẩn quốc tế đang áp dụng

STT	Tiêu chuẩn	Điều kiện
1	BRC	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ về thực phẩm.
2	IFS	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm
3	EU Organic	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic của Châu Âu
4	Bio suisse Organic	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic của Châu Âu, Thụy Sĩ
5	ASC	Có nhà máy, farm, trại giống hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm
6	HALAL	Có nhà máy hiện đại đáp ứng đủ tiêu chuẩn hồi giáo

6.5.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng:

Các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn như EU, Nhật Bản... luôn đặt vấn đề an toàn thực phẩm lên hàng đầu, các nước này luôn dựa vào các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc tế để

xác định chất lượng sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề cốt lõi trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được điều này, Công ty đã thiết lập Bộ phận quản lý chất lượng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng của sản phẩm theo hệ thống các tiêu chuẩn gồm:

- HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point System): Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn. Hệ thống giúp quản lý chất lượng dựa trên cơ sở phân tích các mối nguy và các điểm kiểm soát trọng yếu nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh và chất lượng thực phẩm.
- GMP: (Good Manufacturing Practices) là hướng dẫn thực hành sản xuất tốt, áp dụng đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, được phẩm nhằm kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành chất lượng sản phẩm từ khâu thiết kế, xây lắp nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ chế biến; điều kiện phục vụ, chuẩn bị chế biến đến quá trình chế biến; bao gói, bảo quản và con người điều khiển các hoạt động trong suốt quá trình gia công, chế biến. Nó đề cập đến mọi khía cạnh của quá trình sản xuất và kiểm soát chất lượng.
- SSOP (Sanitation Standard Operating Procedures) giúp kiểm soát tiêu chuẩn vệ sinh.

6.7. Hoạt động Marketing

- Chính sách giá cả

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty quản lý sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như bộ máy sản xuất, quản lý để giá thành của thành phẩm ở mức phù hợp và có tính cạnh tranh trên thị trường, chính vì lý do này mà giá cả sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.

- Chiến lược sản phẩm

Về sản phẩm, Công ty cùng với nhà phân phối tìm hiểu nhu cầu thị trường và sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty hiện đang tập trung phân phối vào Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật, Canada. Đây là thị trường truyền thống của Công ty đặc biệt là thị trường Châu Âu có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định.

Do thị trường tiêu thụ của Công ty là những thị trường có nền kinh tế phát triển, đời sống của người tiêu dùng cao nên công ty đã xây dựng nên thương hiệu tôm sinh thái với chất lượng vượt trội được người tiêu dùng các nước Châu Âu đón nhận. Sản phẩm của công ty không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình, đồng thời luôn chú trọng thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- Xúc tiến thương mại

Thương hiệu là một chỉ tiêu sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát triển và thuận tiện, vì vậy việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế như: Hội chợ thủy sản ở Boston (Hoa Kỳ), Hội chợ thủy sản ở Brussels (Bi), Hội chợ thủy sản ở Nhật Bản, Hội chợ Vietfish của Việt Nam,... Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới, từ đó mở ra được các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình.

Ngoài ra, công ty có những chính sách khác để tạo dựng tên tuổi của mình như: *Đẩy*

mạnh việc giao dịch qua mạng, qua các kênh bán hàng online đối với khách hàng nước ngoài như Alibaba.; Tham gia, tạo mối quan hệ gắn bó với hiệp hội nhà nhập khẩu

6.8. Nhân hiệu thương mại



Logo Công ty:

Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký và bảo hộ theo đơn số 4-2018-15315 và được cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận theo quyết định số 221 ngày 22/06/2018

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên đối tác	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện
I	Hợp đồng bán hàng hóa				
a	Hợp đồng xuất khẩu				
1	TRANSGOURMET - 05	Switzerland	HOSO, HLISO, PD, PDTO, CPTO	261.546,50 USD	2021
2	IFC SEAFOOD - 02	Canada	PTO	301.402 USD	2021
3	NORDICMARIN - 01	Turkey	TOPERDO	114.175 USD	2021
4	TOPPITS	Canada	CPTO, PTO	159.400 USD	2021
5	REWE - 01	Germany	PD	1.480.000 USD	2021-2022
6	SOJITZ FOODS CORPORATION	JAPAN	Nobashi	590.000 USD	2022
7	RUD.KANZOW GMBH & CO.KG	GERMANY	CPD, PD	157.700 USD	2022
8	MARR S.P.A	ITALY	PD	163.908 USD	2022
9	DKSH GMBH	GERMANY	CPD	392.000 USD	2022
10	TRIDGE CO., LTD	KOREA	PTO	1.564.034,4 USD	2022
b	Khách hàng trong nước				
1	TNHH MTVDV Thủy sản Phát Đạt	Vietnam	Block, IQF	7.743 tr.đồng	2022
2	Xuất nhập khẩu thủy	Vietnam	HLISO	2.980	2022

STT	Tên đối tác	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp	Giá trị	Thời gian thực hiện
	sản Năm Căn			tr.đồng	
II	Hợp đồng mua hàng hóa				
1	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	Việt Nam	Mua bán tôm Nguyên liệu	Theo nhu cầu đặt hàng trong năm	2022
2	Công ty TNHH Camimex Organic	Việt Nam	Mua bán tôm Nguyên liệu	Theo nhu cầu đặt hàng trong năm	2022
3	Công ty TNHH thương mại Kim Ngân Phú	Việt Nam	Mua bán tôm Nguyên liệu	Theo nhu cầu đặt hàng trong năm	2022
4	Công ty TNHH XNK thủy sản Vĩnh Hải	Việt Nam	Mua bán tôm Nguyên liệu	Theo nhu cầu đặt hàng trong năm	2022
5	Công ty TNHH MTV Ngọc Trâm	Việt Nam	Mua bán tôm Nguyên liệu	Theo nhu cầu đặt hàng trong năm	2022

Nguồn: CTCP Camimex

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020, 2021 và cập nhật đến Quý gần nhất năm 2022

7.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- ❖ **Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất:**
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm	6T/2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.693.311	1.921.779	13,49%	2.494.076
2	Vốn chủ sở hữu	807.960	871.972	7,92%	1.121.432
3	Doanh thu thuần	1.419.268	2.040.665	43,78%	1.282.322
4	Lợi nhuận từ HĐKD	67.130	73.155	8,98%	69.884
5	Lợi nhuận khác	(3.862)	1.455	-	879
6	Lợi nhuận trước thuế	63.268	74.611	17,93%	70.762
7	Lợi nhuận sau thuế	56.164	64.012	13,97%	62.262
7.1	LNST của Công ty mẹ	55.980	63.721	13,83%	62.080
7.2	LNST của cổ đông không kiểm soát	184	291	58,15%	183
8	Giá trị sổ sách (đ/cp)	12.642	13.654	7,92%	14.436

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm	6T/2022
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

- Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty năm 2021 có xu hướng tăng dần:

Cụ thể, tổng tài sản tăng từ mức 1.693 tỷ đồng năm 2020 lên mức 1.921 tỷ đồng vào cuối năm 2021, và đạt giá trị 2.494 tỷ đồng cuối Quý II năm 2022. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu cũng gia tăng từ mức 807,96 tỷ đồng vào cuối năm 2020 lên mức 871,97 tỷ đồng cuối năm 2021 và đạt giá trị là 1.121 tỷ đồng vào cuối Quý II năm 2022.

- Doanh thu năm 2021 tăng trưởng ấn tượng, đạt 2.040 tỷ đồng tăng 43,78% so với năm trước:

Trong năm 2021, dưới tác động của đại dịch Covid-19 nền kinh tế Việt Nam đã bị thiệt hại nặng nề, đặc biệt là trong Quý III/2021 khi dịch bùng phát mạnh ở khu vực phía Nam. Trong bức tranh nền kinh tế ảm đạm thì vẫn có những điểm sáng nổi bật, điển hình là ngành thủy sản Việt Nam, một trong những bộ đỡ của nền kinh tế với kim ngạch xuất khẩu tăng 6% so với năm 2020. Sự tăng trưởng vượt bậc này đến từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, Châu Âu trong khi đó đối thủ cạnh tranh chính như Ấn Độ và Indonesia đối mặt với hàng loạt khó khăn do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đã tạo ra cơ hội xuất khẩu cho Việt Nam.

Trong xu thế đó, Công ty gia tăng thúc đẩy tiêu thụ tại châu Âu khi các cửa hàng dịch vụ đã mở cửa trở lại đồng thời bổ sung thêm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị (19 tỷ) và nâng công suất hoạt động nhà máy khiến sản lượng sản xuất tăng từ 4.355 tấn năm 2020 lên 7.483 tấn năm 2021. Kéo theo đó, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2021 ghi nhận giá trị là 2.040 tỷ đồng, tăng 43,78% so với cùng kỳ cả năm 2020 (1.419 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 64 tỷ tăng 13,97%:

Đi cùng với tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty cũng tăng cao tuy nhiên thấp hơn mức tăng trưởng doanh thu. Theo đó, lợi nhuận của Công ty tăng 13,97% so với cùng kỳ, đạt 64 tỷ. Nguyên nhân chính do tình hình dịch Covid-19 cũng làm cho hệ thống vận chuyển bị quá tải dẫn đến thiếu hụt container trống khiến hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn hơn, chi phí vận chuyển tăng lên, các thị trường nước ngoài cũng gia tăng kiểm soát chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, trong giai đoạn dịch bệnh Công ty phải gia tăng thêm các chi phí phòng chống dịch (thu mua tạm trữ, đảm bảo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội,...).

Trong đó, Camimex Corp có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 351,6 tỷ đồng và 301,7 tỷ đồng, làm phát sinh khoản lãi 49,8 tỷ đồng.

Đến hết Quý II năm 2022, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt đạt giá trị là 1.282 tỷ đồng và 62 tỷ đồng.

- Lợi nhuận khác

Bên cạnh hoạt động chính, hàng năm Công ty còn phát sinh các khoản thu nhập khác, chi phí khác ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty. Trong đó, năm 2020, lợi nhuận khác lỗ 3,8 tỷ đồng, năm 2021 lợi nhuận khác +1,5 tỷ đồng. Nguyên nhân do năm 2021 bên cạnh việc ghi nhận chi phí từ lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội, chi phí khác, Công ty có nguồn thu nhập khác từ tiền

bồi thường và các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. Cụ thể:

- **Chi phí khác năm 2021 là 10,4 tỷ:** trong đó chủ yếu là
 - + Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội 4,5 tỷ đồng. Đây là khoản lãi 8,36 tỷ Công ty phải nộp Bảo hiểm xã hội tỉnh Cà Mau hàng tháng trong vòng 24 tháng kể từ 9/2020.
 - + Chi phí khác 4,5 tỷ đồng do công ty xử lý công nợ khó đòi (2,6 tỷ), phân bổ chi phí công cụ dụng cụ (1,4 tỷ), còn lại là chi phí xử lý kiểm kê bao bì, vật tư...
 - + Ngoài ra, Công ty còn phát sinh chi phí khác 1,4 tỷ đồng từ phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt, truy thu thuế và trợ cấp mất việc cho người lao động
- **Thu nhập khác năm 2021 là 11,9 tỷ:** Năm 2021, Công ty ghi nhận thu nhập khác là tiền bồi thường 7,9 tỷ đồng từ các nhà cung cấp tôm nguyên liệu ở Ấn Độ (AQUA GENO EXIM, ASWIN ASSOCIATES, M/S SATISH MARINE EXIM PRIVATE LIMITED,..) đồng ý giảm giá hàng bán vì lỗi đóng gói trong quá trình xuất bán cho Camimex. Bên cạnh đó, Công ty ghi nhận 2,9 tỷ đồng thu nhập khác là các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ tuy nhiên thu hồi được trong năm 2021. Đây là khoản tiền mà Công ty đặt cọc cho các nhà cung cấp tôm nguyên liệu Ấn Độ (ULKA SEAFOODS (P) LTD, HIGH SEAS EXIM, IFB AGRO INDUSTRIES LTD,...).

❖ **Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng lẻ:**
Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm	6T/2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.683.988	1.930.509	14,64%	2.265.203
2	Vốn chủ sở hữu	793.194	856.263	7,95%	904.957
3	Doanh thu thuần	1.418.064	1.957.114	38,01%	1.203.240
4	Lợi nhuận từ HĐKD	66.780	71.652	7,41%	67.284
5	Lợi nhuận khác	(3.861)	1.553	-	2.167
6	Lợi nhuận trước thuế	62.918	73.205	16,35%	69.452
7	Lợi nhuận sau thuế	55.838	63.069	12,95%	61.496
8	Giá trị sổ sách	12.590	13.591	7,95%	14.364

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022
 Năm 2021, Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu theo BCTC riêng lẻ của Công ty có xu hướng tăng dần. Cụ thể, tổng tài sản tăng từ mức 1.683 tỷ đồng cuối năm 2020 lên mức 1.930 tỷ đồng vào cuối năm 2021, và đạt giá trị 2.316 tỷ đồng cuối Quý II năm 2022. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu cũng gia tăng từ mức 793 tỷ đồng vào cuối năm 2020 lên mức 856 tỷ đồng cuối năm 2021 và đạt giá trị là 919 tỷ đồng vào cuối Quý II năm 2022.

Doanh thu thuần theo BCTC riêng lẻ năm 2021 của Công ty ghi nhận giá trị là 1.957 tỷ đồng, tăng 38% so với doanh thu lũy kế cả năm 2020 và lợi nhuận sau thuế đạt giá trị là 63 tỷ đồng, tăng 12,95% so với năm 2020. Trong đó, Công ty có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan với tổng doanh thu, giá vốn theo sổ sách lần lượt là 351,6 tỷ đồng và 301,7 tỷ đồng, làm phát sinh khoản lãi 49,8 tỷ đồng.

Đóng góp vào mức tăng lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty ngoài hoạt động chính là

nguồn thu từ lợi nhuận khác 1,5 tỷ. Nguyên nhân do trong năm Công ty ghi nhận thu nhập khác 11,8 tỷ đến chủ yếu từ tiền bồi thường do khách hàng đồng ý giảm giá hàng bán vì lỗi đóng gói và từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ (*chi tiết trình bày tại mục lợi nhuận khác - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất*)

Đến hết Quý II năm 2022, Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt đạt giá trị là 1.203 tỷ đồng và 61 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✚ Thuận lợi:

- Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, do vậy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát triển như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực giúp cho Camimex Group nói chung và Camimex Corp nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU. Đồng thời, Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn do dư lượng kháng sinh cao. Tại thị trường Nhật Bản, việc Việt Nam gia nhập CPTPP cũng hỗ trợ cho Camimex Group xuất khẩu sang thị trường này.
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến tôm các loại. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài.
- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, có tỷ lệ hao hụt thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều.
- Camimex Corp tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu,... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất.
- Camimex Group và Camimex Corp trực tiếp sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái gần 800 ha nhờ đó tạo được thế mạnh nguồn nguyên liệu sạch, tăng thêm uy tín thương hiệu trên thương trường.

✚ Khó khăn:

- Năm 2021, 2022 ngành tôm phải đương đầu với những thách thức lớn, đặc biệt từ tháng 5-2021, khi dịch Covid-19 lan rộng, cùng với đó là tình trạng hạn hán, mặn xâm nhập gây nhiều khó khăn đối với người nuôi và doanh nghiệp cả trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu.
- Sự mất giá đồng EURO và đồng YEN gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường EU và thị trường Nhật Bản. Tỷ giá biến động thất thường cũng gây ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty.
- Giá tôm nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh quá trình thu mua nguyên liệu.
- Vốn cần để mua nguyên liệu lớn, trong khi đó nguồn vốn của Công ty còn hạn chế. Hạn mức ngân hàng cung cấp cho các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- ✚ Lợi thế về chất lượng sản phẩm, chứng nhận tôm sinh thái

Camimex Corp là công ty con của Camimex Group. Camimex Group là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam đạt chứng nhận sinh thái EU Organic, BIO SUISSE cho chuỗi sản phẩm tôm sinh thái: từ con giống sinh thái, vùng nuôi sinh thái đến sản phẩm sinh thái. Đối với sản phẩm sinh thái, càng mở rộng chuỗi giá trị bao nhiêu thì khả năng đàm phán giá bán cũng như mức giá bán, đánh giá của người tiêu dùng càng có khả năng tăng cao bấy nhiêu.

Camimex Corp cùng công ty mẹ cũng đạt được chứng nhận IMO cấp độ cao nhất cho sản phẩm tôm sinh thái với các khác biệt vô cùng lớn so với các doanh nghiệp khác cũng làm trong ngành thủy sản sinh thái không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới như mật độ che phủ rừng lên tới 70%, diện tích mặt nước nuôi tôm chỉ 30%.

Một điểm khác không thể không kể đến là dự án sinh thái của Camimex Group đã trải qua hơn 20 năm (Camimex bắt đầu triển khai dự án tôm sinh thái năm 2000, và được cấp chứng nhận Naturland từ năm 2002) là thời điểm đạt lợi nhuận cao, giá bán có thể tăng theo biến động của thị trường trong khi lại ít bị ảnh hưởng bởi các biến động tiêu cực của thị trường hơn. Hơn nữa, bản chất của loại chứng nhận này là cần thời gian dài để đầu tư công sức và tài chính, phải theo lộ trình, cần sự kiên trì, không thể làm nhanh và chi phí ban đầu bỏ ra rất lớn trong khi thời gian thu hồi lâu. Từ đó, có thể nói mặt hàng tôm sinh thái của Camimex Corp rất khó bị cạnh tranh.

✦ Lợi thế về vùng nuôi:

Hiện nay diện tích nuôi tôm sinh thái của Công ty tôm giống sinh thái (công ty có liên quan với Camimex Corp) và các hộ dân/đối tác nuôi trồng đạt hơn 7.000 ha tại lâm trường Cà Mau. Căn nhân mạnh, tính đến tháng 10 năm 2021, toàn tỉnh Cà Mau chỉ có khoảng 22.000 ha¹ diện tích nuôi tôm sinh thái được cấp chứng chỉ quốc tế. Như vậy, diện tích nuôi tôm có liên quan đến Camimex Corp đã chiếm đến hơn 30% tổng diện tích được cấp chứng chỉ của toàn tỉnh. Diện tích nuôi tôm sinh thái được mở rộng 10-20% hằng năm, có thể mở rộng lên tới 50.000 ha nhờ các hộ dân tin tưởng và có hợp đồng rõ ràng với Camimex Corp, cam kết đồng hành cùng Camimex Corp vì giá thu mua của Công ty luôn cao hơn thị trường (bởi có giá bán cao hơn so với các công ty khác).

Trên thế giới cũng không có nước nào có điều kiện thuận lợi để nuôi tôm sú sinh thái giống Việt Nam. Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc,... vẫn chủ yếu tập trung nuôi tôm thẻ công nghiệp vì thời gian nuôi ngắn. Camimex Corp lại nằm ở Cà Mau, không một nơi nào ở Việt Nam cũng như trên thế giới có điều kiện địa lý và khí hậu có lợi thế hoàn hảo để nuôi tôm đến vậy. Cụ thể, Cà Mau có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt với diện tích rừng ngập mặn che phủ lớn, chiếm đến 77% rừng ngập mặn của Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, khí hậu nhiệt đới gió mùa thuận lợi cho tôm (warm water shrimp) sinh trưởng, phát triển nên có thể thu hoạch tôm quanh năm.

✦ Lợi thế về chuỗi giá trị:

Thế mạnh của Camimex Corp nói riêng và Camimex Group nói chung không chỉ là ở uy tín, thương hiệu sinh thái lâu đời hay điều kiện địa lý, khí hậu thuận lợi của nước ta mà còn ở những điểm mà không một doanh nghiệp nào ở Việt Nam và rất ít doanh nghiệp trên thế giới làm được: như quy trình sản xuất khép kín từ con giống sinh thái, nuôi tôm sinh thái đến sản xuất chế biến tôm sinh thái xuất khẩu, độ che phủ rừng hay mật độ thả nuôi.

Tập trung xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khó tính như EU, Camimex Corp luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu và xây dựng yêu cầu này thành văn hóa doanh nghiệp trong toàn bộ người lao động.

¹ Theo Tạp chí viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam <https://tapchi.vaas.vn/vi/nong-nghiep-trong-nuoc/chau-tho-cuu-long-huong-den-nen-nong-nghiep-xanh>

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2022 và những năm tới, ngành thủy sản Việt Nam có nhiều động lực để thúc đẩy tăng trưởng bao gồm:

⚡ Vị thế ngành tôm Việt Nam

Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Vị trí và điều kiện tự nhiên giúp nước ta có tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản vô cùng lớn.

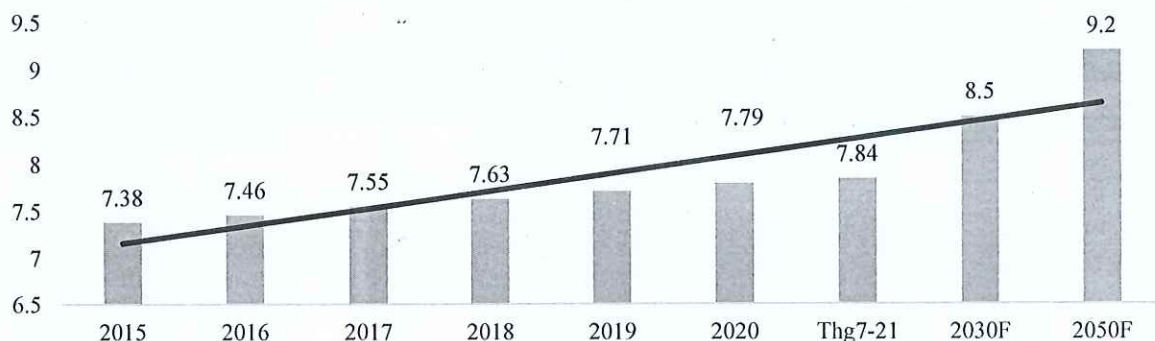
Năm 2021, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19. Trong đó kim ngạch xuất khẩu tôm năm 2021 đạt 3,9 tỷ USD (tăng 5,4% so với năm 2020). Trên cơ sở đó, VASEP nhận định trong vài năm tới, ngành tôm còn nhiều động lực để tăng trưởng, giai đoạn 2022-2025 có thể tăng trưởng khoảng 9%/năm; đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu tôm có thể đạt 5,6 tỷ USD.

⚡ Nhu cầu tiêu thụ tăng cao:

- Gia tăng dân số thế giới

Dựa trên báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), đến năm 2050, dân số thế giới sẽ vượt 9.tỷ người. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Theo đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Nếu tốc độ tiêu thụ vẫn giữ nguyên như hiện nay thì sản lượng thủy sản phải tăng thêm 56% nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu.

Dân số thế giới 2015 – 2050 F



Nguồn: <https://danso.org/dan-so-the-gioi/>

- Động lực từ các thị trường xuất khẩu chính:
 - Thị trường Mỹ:
 - (1) Theo Vasep, thị phần tôm năm 2021 của Việt Nam tại thị trường Mỹ tăng lên 13% từ 11% năm 2020. Mỹ vẫn sẽ là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam vào năm 2022. Với sự phục hồi nhu cầu của chuỗi Horeca và thế mạnh về tôm chế biến, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Mỹ năm nay sẽ tiếp tục tăng.
 - (2) Hơn nữa, ngành tôm của Ấn Độ, nước xuất khẩu tôm lớn nhất đến thị trường Mỹ, có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi việc Bộ Thương mại Mỹ (US DOC) tăng gấp đôi thuế chống bán phá giá đối với tôm xuất khẩu từ Ấn Độ. Ngày 24/11/2021, DOC Hoa Kỳ công bố kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính lần thứ 15 về thuế chống bán phá giá đối với tôm đông lạnh từ Ấn Độ, trong đó xác định mức thuế chống bán phá giá là 7,15%, tăng 2,3 lần so với kết quả rà soát hành chính lần thứ 14 đạt 3,06%. Trong khi đó, nhiều nhà xuất khẩu tôm của Việt Nam đang được hưởng thuế chống bán phá giá ở mức 0%. Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam tăng thị phần tại Hoa Kỳ khi sản lượng của

tôm Ấn Độ có thể bị giảm do sự thay đổi này

- Thị trường EU:
 - (1) Ưu đãi thuế quan từ các FTA sẽ thúc đẩy nhập khẩu thủy sản vào thị trường EU. Trong năm 2022, mức thuế áp dụng cho tôm đông lạnh và tôm chế biến sẽ giảm xuống còn 2,5% và 18,7% từ mức 5% và 22,5% trong năm 2021.
 - (2) Hưởng lợi từ việc xuất khẩu thủy sản của Nga bị hạn chế ở nhiều thị trường. Cụ thể, tại thị trường chính là Mỹ, nhập khẩu thủy sản trực tiếp từ Nga bị cấm trong năm 2022. Bên cạnh đó, các nước châu Âu khác như Anh áp thuế 35% đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Nga. Điều này có thể khiến các nhà nhập khẩu e ngại khi mua sản phẩm thủy sản của Nga, ngay cả đối với các sản phẩm chế biến nhập khẩu gián tiếp từ các nước khác được miễn thuế nhưng có nguyên liệu đầu vào xuất xứ từ Nga.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

- Do sự bùng nổ dân số cùng với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm nói chung, hàng thủy sản và tôm nói riêng có xu hướng tăng. Dự báo, sản lượng sản xuất thủy sản Việt nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.
- Theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030, mục tiêu của Chính phủ là xây dựng ngành thủy sản là một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Định hướng đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 9,0 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác thủy sản chiếm khoảng 30%; sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm khoảng 70%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 20 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6 - 7%/năm (giai đoạn 2020 - 2030) và khoảng 80% số lao động thủy sản được đào tạo, tập huấn. Nước ta chủ trương xây dựng các làng cá ven biển, hải đảo thành các cộng đồng dân cư giàu truyền thống tương thân, tương ái, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp áp dụng các công nghệ, mô hình nuôi tiên tiến, tiêu chuẩn mới (GAP, BMP, CoC) gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.
- Với yếu tố khách quan và chủ quan, Camimex Corp được đánh giá là doanh nghiệp xuất khẩu tôm có tính ổn định với chất lượng tôm sinh thái được ưa chuộng với các thị trường thế giới yêu cầu khắt khe nhất như EU. Mô hình nuôi tôm sinh thái vừa bảo vệ môi trường rừng ngập mặn của tỉnh Cà Mau vừa đảm bảo chất lượng cao nên được sự hỗ trợ, khuyến khích mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam. Nguồn nguyên liệu nuôi trồng chủ động hơn từ năm 2020 cũng là yếu tố cạnh tranh, bên cạnh đó Công ty cũng tập trung đầu tư nghiên cứu tuyển chọn giống tôm sú và tôm thẻ nhằm chống được bệnh tật và đạt chất lượng cao cho tôm sinh thái.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 30/06/2022:

Yếu tố	Số lượng (người)	Cơ cấu
I. Theo trình độ lao động	995	100%
1. Trên Đại học	1	0,10%
2. Đại học	117	11,76%
3. Cao đẳng, trung cấp	106	10,65%
4. Công nhân kỹ thuật	57	5,73%

Yếu tố	Số lượng (người)	Cơ cấu
5. Sơ cấp	37	3,72%
6. Lao động khác	677	68%
II. Theo thời hạn HĐLĐ	995	100%
1. Lao động hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	35	3,52%
2. Lao động không xác định thời hạn	887	89,14%
3. Lao động trong thời gian thử việc	73	7,34%

Nguồn: CTCP Camimex

9.1. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✦ Chế độ làm việc

- Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động mà có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn. Các chính sách đối với người lao động được thực hiện và tuân thủ theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.
- Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên;

✦ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với ngành nghề hoạt động. Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động là đảm bảo quyền lợi của người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm và có cơ chế thúc đẩy theo doanh thu cho các bộ phận, phòng ban;
- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Chính sách thưởng và phúc lợi: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái, tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi hàng năm,... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

✦ Mức lương bình quân 2 năm gần nhất

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty ở mức trung bình ngành. Trong đó, năm 2021, mức thu nhập bình quân tăng 6,9%/người/tháng. Cụ thể

- Mức lương bình quân năm 2020: 6.500.000 đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân năm 2021: 6.950.000 đồng/người/tháng

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hiện nay, CTCP Camimex vẫn đang trong quá trình đầu tư, nâng cấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, tăng công suất sản xuất do vậy trong những năm qua Công ty không thực hiện chia cổ tức, nguồn lợi nhuận được giữ lại để tập trung nguồn lực tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Mức khấu hao và hao mòn cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 54 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
Phần mềm	03 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	20 năm
Quyền sử dụng đất	

- Có thời hạn Theo thời gian được phép sử dụng
- Không thời hạn Không tính khấu hao

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021 và 30/06/2022 như sau:

⚡ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.347	385
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.270	10.509	13.691
3	Thuế thu nhập cá nhân	706	-	-
4	Thuế tài nguyên	8	16	12
5	Thuế khác	-	-	12

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
	TỔNG CỘNG	7.984	11.872	14.101

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

✚ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.117	10.031	13.157
2	Thuế thu nhập cá nhân	698	-	-
3	Thuế tài nguyên	8	16	12
4	Các loại thuế khác	-	-	12
	TỔNG CỘNG	7.823	10.047	13.181

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

Tính đến 30/09/2022, Công ty đã nộp đầy đủ các khoản nợ thuế GTGT, thuế tài nguyên, thuế khác. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty đã thanh toán nợ thuế năm 2021, hiện Công ty chỉ phát sinh dư nợ năm 2022 do thuế thu nhập doanh nghiệp quyết toán hàng năm.

✚ Chính sách thuế

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:
 - + Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
 - + Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại Không kê khai, tính thuế
 - + Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản 5%
 - + Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản 10%
 - + Các dịch vụ khác 10%
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).
- Thuế tài nguyên: Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m³.
- Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

✚ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Lợi nhuận chưa phân phối	159.657	223.377	272.655
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	980	880	880
	TỔNG CỘNG	160.637	224.257	273.535

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

✚ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Lợi nhuận chưa phân phối	156.394	219.463	268.157
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	980	880	881
	TỔNG CỘNG	157.374	220.343	269.038

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

11.1.5. Tổng dư nợ vay

✚ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	VAY NGẮN HẠN	586.335	552.126	899.763
1	Vay các bên liên quan (vii)	61.005	16.490	8.720
	Cá nhân có liên quan	33.802	8.720	8.720
	CTCP Camimex Group		7.770	
	TNHH Camimex Foods	5.510		
	TNHH MTV Xuất nhập khẩu thủy sản Vĩnh Hải	16.693		
	Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex	5.000		
2	Vay ngân hàng	367.098	478.918	698.434
	Agribank – Chi nhánh Cà Mau (i)	88.240	78.762	77.721
	Techcombank – CN TP.HCM (ii)	39.234	31.363	28.044
	Vietcombank – CN Cà Mau (iii)	113.586	154.602	181.881
	Sacombank - CN Cà Mau (iv)	55.777	133.708	130.448
	Public Bank - CN Cà Mau (v)	36.517	43.282	40.843
	Maritime Bank - CN TP.HCM	33.743	0	
	VPBank – CN Cà Mau (vi)	0	37.201	34.480
	BIDV – CN Cà Mau (xi)			205.017
3	Vay các tổ chức khác (vii)	28.401	10.400	34.585
	Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	15.000		

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
	<i>Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú</i>	7.900	10.400	24.585
	<i>Các tổ chức khác</i>	5.501		
	<i>Công ty TNHH Phát triển VGrowth</i>			10.000
4	Vay các cá nhân khác (vii)	15.780	30.650	42.950
5	Trái phiếu ngắn hạn	99.450	-	
6	Nợ dài hạn đến hạn trả	5.837	5.384	4.069
7	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.764	10.284	12.331
8	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả			98.674
II	VAY DÀI HẠN	31.832	125.078	23.826
1	Vay dài hạn ngân hàng	2.855	1.227	669
	<i>Sacombank – Chi nhánh Cà Mau (viii)</i>	1.875	1.227	669
	<i>Agribank – Chi nhánh Cà Mau</i>	980		
2	Vay dài hạn các tổ chức khác	9.530	6.830	5.480
	<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (ix)</i>	9.530	6.830	5.480
3	Nợ thuê tài chính	19.447	19.280	17.671
	<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất inh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm</i>	19.447	12.175	7.545
	<i>Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm</i>		7.105	10.125
4	Trái phiếu thường dài hạn (x)		97.740	6
	Tổng cộng	618.166	677.204	923.589

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

⚡ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	VAY NGẮN HẠN	596.430	552.126	899.763
1	Vay các bên liên quan (vii)	80.591	16.490	8.720
	<i>Cá nhân có liên quan</i>	33.667	8.720	8.720

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
	<i>CTCP Camimex Group</i>		7.770	
	<i>TNHH Camimex Organic</i>	27.221		
	<i>TNHH MTV Xuất nhập khẩu thủy sản Vĩnh Hải</i>	9.193		
	<i>CTCP Camimex Foods</i>	5.510		
	<i>Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex</i>	5.000		
2	Vay ngân hàng	367.098	478.918	698.434
	<i>Agribank – CN Cà Mau (i)</i>	88.240	78.762	77.721
	<i>Techcombank – CN TP.HCM (ii)</i>	39.234	31.363	28.044
	<i>Vietcombank – CN Cà Mau (iii)</i>	113.586	154.602	181.881
	<i>Sacombank - CN Cà Mau (iv)</i>	55.777	133.708	130.448
	<i>Public Bank - CN Cà Mau (v)</i>	36.517	43.282	40.843
	<i>Maritime Bank - CN TP.HCM</i>	33.743		
	<i>VPBank – CN Cà Mau (vi)</i>		37.201	34.480
	<i>BIDV – CN Cà Mau (xi)</i>			205.017
3	Vay các tổ chức khác (vii)	19.401	10.400	34.585
	<i>Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú</i>	4.400	10.400	24.585
	<i>Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm</i>	15.000		
	<i>Công ty TNHH Phát triển V Growth</i>			10.000
	<i>Công ty TNHH Liên Hoa</i>	0,553		
4	Vay các cá nhân khác (viii)	15.290	30.650	42.950
5	Trái phiếu ngắn hạn	99.450	-	-
6	Nợ dài hạn đến hạn trả	5.837	5.384	4.069
7	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.764	10.284	12.331
8	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	0	0	98.674
II	VAY DÀI HẠN	31.832	125.078	23.826
1	Vay dài hạn ngân hàng	2.855	1.227	669
	<i>Sacombank – Chi nhánh Cà Mau (viii)</i>	1.875	1.227	669
	<i>Agriabank – Chi nhánh Cà Mau</i>	980		
2	Vay dài hạn các tổ chức khác	9.530	6.830	5.480
	<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (ix)</i>	9.530	6.830	5.480

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
3	Nợ thuê tài chính	19.447	19.280	17.671
	<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất inh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm</i>	19.447	12.175	7.545
	<i>Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm</i>		7.105	10.126
4	Trái phiếu thường dài hạn (x)	-	97.740	6
	Tổng cộng	628.262	677.204	923.589

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và quyền sử dụng đất của Công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành trong tương lai và tài sản của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất của Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không lãi
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15/01/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng

việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- (ix) Khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải 1.000 m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15/10/2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng chứng thư Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp toàn bộ bằng hệ thống xử lý nước thải và Hợp đồng tiền gửi.
- (x) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 đồng với lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.
- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:
- ↓ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	508.154	471.141	727.228
1	Phải thu khách hàng	193.683	426.439	494.587
2	Trả trước cho người bán	195.630	40.764	223.371
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	90.982	-	-
4	Các khoản phải thu khác	27.858	4.821	10.152
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(882)	(882)
II	Các khoản phải thu dài hạn	7.619	7.619	8.380
1	Các khoản phải thu dài hạn khác	7.619	7.619	8.380
	Tổng cộng	515.773	568.001	735.608

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

- ↓ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	461.720	460.953	683.967
1	Phải thu khách hàng	193.492	425.650	493.976
2	Trả trước cho người bán	163.852	31.715	183.368
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	75.932	-	-
4	Các khoản phải thu khác	28.445	4.470	7.506
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(882)	(882)
II	Các khoản phải thu dài hạn	7.619	7.619	8.380

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Các khoản phải thu dài hạn khác	7.619	7.619	8.380
	Tổng cộng	469.339	468.572	692.347

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

- Các khoản phải trả
- ⚡ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Nợ ngắn hạn	853.519	924.729	1.348.817
1	Phải trả người bán ngắn hạn	237.274	177.745	217.391
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.188	153.902	167.539
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.984	11.872	14.101
4	Phải trả người lao động	5.773	7.647	11.607
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.221	4.479	4.687
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.764	16.078	35.849
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	586.335	552.126	899.763
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	980	880	880
II	Nợ dài hạn	31.832	125.078	23.826
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.832	125.078	23.826
	Tổng cộng	885.351	1.049.807	1.372.644

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

- ⚡ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Nợ ngắn hạn	858.962	949.168	1.336.419
1	Phải trả người bán ngắn hạn	233.294	204.737	234.630
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.188	153.902	137.170
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.823	10.047	13.181
4	Phải trả người lao động	5.475	7.248	11.014
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.221	4.479	4.687
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.551	15.749	35.093
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	596.430	552.126	899.763
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	980	880	880
II	Nợ dài hạn	31.832	125.078	23.826
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.832	125.078	23.826
	Tổng cộng	890.795	1.074.246	1.360.245

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

11.1.7. Tình hình hàng tồn kho

✚ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Nguyên liệu, vật liệu	8.236	10.546	11.325
2	Công cụ, dụng cụ	1.281	1.683	1.634
3	Thành phẩm	629.221	878.256	1.060.541
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(36.388)	(39.357)	(41.216)
	Tổng cộng	602.350	851.128	1.032.274

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

✚ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Nguyên liệu, vật liệu	8.236	10.546	11.325
2	Công cụ, dụng cụ	1.281	1.683	1.634
3	Thành phẩm	629.221	878.256	1.060.541
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(36.388)	(39.357)	(41.216)
	Tổng cộng	602.350	851.128	1.032.274

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

(*) Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, tại thời điểm cuối kỳ.

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 276.600.000.000 đồng (số đầu năm là 127.200.000.000 đồng) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Cà Mau.

11.1.8. Đầu tư tài chính

✚ Theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.232	0	200.000
1	Chứng khoán kinh doanh			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.232		200.000
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng</i>	8.232		
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (i)</i>			200.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	5.000	55.000	55.000
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000	50.000
	<i>CTCP Camimex Foods (ii)</i>		50.000	50.000

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000	5.000	5.000
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (iii)</i>	5.000	5.000	5.000
	Tổng cộng	13.232	55.000	255.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

⚡ Theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.232	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0	0
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.232	0	0
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng</i>	8.232		
II	Đầu tư tài chính dài hạn	45.000	95.000	95.000
1	Đầu tư vào công ty con	40.000	40.000	40.000
	<i>Công ty TNHH Camimex Organic(ii)</i>	40.000	40.000	40.000
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000	50.000
	<i>CTCP Camimex Foods (iii)</i>		50.000	50.000
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000	5.000	5.000
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (iv)</i>	5.000	5.000	5.000
	Tổng cộng	13.232	55.000	255.000

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

- (i) Khoản tiền gửi 200 tỷ đồng đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07/04/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 3/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40 tỷ đồng, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.
- (iii) Camimex Corp đầu tư 5.000.000 cổ phần của CTCP Camimex Foods, chiếm tỷ lệ 16,67% vốn điều lệ của công ty này.
- (iv) Khoản tiền gửi 5 tỷ đồng đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

⚡ Theo BCTC hợp nhất:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,33	1,46
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- HTK)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,62	0,54
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,29%	54,63%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	109,58%	120,39%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	2,09	2,47
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,88	1,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,96%	3,14%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,58%	7,62%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,46%	3,54%
+ Hệ số LN từ HDKD/Doanh thu thuần	%	4,73%	3,58%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021

↓ Theo BCTC riêng lẻ:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,26	1,41
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- HTK)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,56	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	52,90%	55,65%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	112,30%	125,46%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	2,10	2,36
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,88	1,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,94%	3,22%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,67%	7,65%

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,48%	3,49%
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,71%	3,66%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021

12. Tài sản

12.1. Tài sản cố định (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

✦ Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I	TSCĐ hữu hình	534.891	304.959	57,01%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	213.897	137.869	64,46%
2	Máy móc và thiết bị	282.362	152.696	54,08%
3	Phương tiện vận tải	37.021	14.178	38,30%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.611	216	13,41%
II	TSCĐ thuê tài chính	45.424	17.871	39,34%
1	Máy móc, thiết bị	45.424	17.871	39,34%
II	TSCĐ vô hình	64.689	46.770	72,30%
1	Quyền sử dụng đất (*)	1.000	1.000	100%
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	62.908	45.608	72,50%
3	Chương trình phần mềm máy tính	781	162	20,74%
	Tổng cộng	645.004	369.600	57,30%

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

✦ Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 theo BCTC riêng lẻ:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I	TSCĐ hữu hình	515.044	297.348	57,73%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	195.351	129.042	66,06%
2	Máy móc và thiết bị	281.813	152.614	54,15%
3	Phương tiện vận tải	36.269	15.476	42,67%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.611	216	13,41%
II	TSCĐ thuê tài chính	45.424	17.871	39,34%
1	Máy móc, thiết bị	45.424	17.871	39,34%

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
II	TSCĐ vô hình	64.689	46.770	72,30%
1	Quyền sử dụng đất (*)	1.000	1.000	100%
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	62.908	45.608	72,50%
3	Chương trình phần mềm máy tính	781	162	20,74%
	Tổng cộng	625.157	361.989	57,90%

Nguồn: BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

(*) Các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang được công ty sử dụng như sau:

Stt	Địa chỉ	Hình thức sử dụng	Thời gian sử dụng	Diện tích (m ²)
1.	Quyền sử dụng đất tại đường Lý Thường Kiệt, P.06, Tp.Cà Mau	Xí nghiệp 5	21/05/2043	25.448,5
2.	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau	Xí nghiệp 4	05/11/2064	6.734
3	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau	Xí nghiệp 4	05/11/2054	1.325,6
4	Quyền sử dụng đất tại đường Cao Thắng, phường 8, Tp.Cà Mau	Xí nghiệp 4	08/11/2054	39,7
5	Quyền sử dụng đất tại đường vào trụ sở Công ty Camimex, phường 8, Tp.Cà Mau	Xí nghiệp 2 và văn phòng Công ty	08/11/2054	14.928.8

Nguồn: Camimex Corp

12.2. Tài sản dở dang dài hạn

✦ Theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	0	0	0
II	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	88.952	80.762	64.769
1	Mua sắm tài sản cố định	30.993	0	0
2	Xây dựng cơ bản dở dang	57.959	80.762	64.769
	Sửa chữa xí nghiệp 5 – Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ CTCP Camimex Group	7.492	7.492	7.492
	Sửa chữa xí nghiệp 5 – Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ	22.494	22.494	22.494

STT	Danh mục tài sản	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
	<i>bản đồ đang từ CTCP Camimex Group</i>			
	<i>Công trình dự án nuôi tôm công nghệ cao</i>	11.512		
	<i>Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3 – Zone 1 sản xuất Cá Chẽm</i>	200	16.314	16.314
	<i>Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau</i>		7.500	7.500
	<i>Công trình san lấp mặt bằng</i>		9.524	9.524
	<i>Các công trình khác</i>	16.261	17.438	7.962
	Tổng cộng	88.952	80.762	64.769

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC hợp nhất soát xét Quý II/2022

✚ Theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
I	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	0	0	0
II	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	88.914	71.239	55.245
1	Mua sắm tài sản cố định	30.954	0	0
2	Xây dựng cơ bản dở dang	57.959	71.239	55.245
	<i>Sửa chữa xí nghiệp 5 – Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ CTCP Camimex Group</i>	7.492	7.492	7.492
	<i>Sửa chữa xí nghiệp 5 – Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang từ CTCP Camimex Group</i>	22.494	22.494	22.494
	<i>Công trình dự án nuôi tôm công nghệ cao</i>	11.512		
	<i>Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xí nghiệp 3 – Zone 1 sản xuất Cá Chẽm</i>	200	16.314	16.314
	<i>Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau</i>		7.500	982
	<i>Công trình san lấp mặt bằng</i>			
	<i>Các công trình khác</i>	16.261	17.438	7.962
	Tổng cộng	88.914	71.239	55.245

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC riêng lẻ soát xét Quý II/2022

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của đối với ngành kinh doanh cốt lõi dựa trên lợi thế cạnh tranh sẵn có của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 (BCTC hợp nhất)	Kế hoạch 2022	
		Giá trị	% (+/-)/năm 2021
Vốn điều lệ	630.000	630.000	0,00%
Doanh thu thuần	2.040.665	3.520.000	72,49%
LN trước thuế	74.611	162.000	117,13%
LN sau thuế	64.012	146.000	128,08%
Tỷ lệ LNST/DTT	3,14%	4,15%	32,23%
Tỷ lệ LNST/VĐL	10,16%	23,17%	128,08%
Tỷ lệ cổ tức/năm	0%	0%	-

Nguồn: tổng hợp từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 18/04/2022.

13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Ban lãnh đạo Công ty nhận định việc gia tăng xuất khẩu tại các thị trường mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu nên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Camimex Corp đã đề xuất với các cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau: Kim ngạch xuất khẩu công ty đạt 149,82 triệu USD tăng 2,5 lần so với năm trước (58,83 triệu USD); sản lượng sản xuất dự kiến đạt 12.800 tấn tôm thành phẩm gấp 1,7 lần so với năm 2021 (7.483 tấn); tổng doanh thu thuần 3.520 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 146 tỷ đồng. Sở dĩ Công ty đặt kế hoạch doanh thu tăng 72,49% mà LNST tăng 128% do các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp thường ổn định tăng không đáng kể theo tốc độ tăng doanh thu nên lợi nhuận của Công ty tăng cao hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu. Cụ thể, Công ty đề ra tổng chi phí năm 2022 là 3.359 tỷ đồng tăng 69,3% so với năm 2021 (1.984 tỷ đồng).

Kế hoạch trên được Công ty xây dựng căn cứ vào năng lực sản xuất, các đơn đặt hàng của khách hàng và đánh giá tiềm năng tăng trưởng của Công ty. Cụ thể như sau:

✦ Định hướng chung về sản xuất kinh doanh:

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (FTA) đã được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/02/2020, sẽ có hiệu lực 01/08/2021 tạo điều kiện cho các đơn đặt hàng của Công ty gia tăng về số lượng và chất lượng đặt hàng.
- Công ty chú trọng tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.
- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.

✦ Đẩy mạnh nâng cấp, xây dựng nhà máy mới và gia tăng công suất:

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.
- Hiện tại công ty đang vận hành 3 nhà máy xí nghiệp chế biến 2, 4, 5 trên tổng diện tích gần 4,5 ha, trong giai đoạn 2022-2023 công ty dự kiến đầu tư, nâng cấp như sau:
 - + Cải tạo và nâng cấp Xí nghiệp 4 để nâng công suất sản xuất tại Xí nghiệp 4 lên 5.000

tấn thành phẩm/năm

- + Đầu tư xây mới Xí nghiệp 1 để sản xuất hàng giá trị gia tăng, công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm
- + Đầu tư xây mới Xí nghiệp 3 với công suất 4.000 tấn thành phẩm/năm với số vốn đầu tư 250 tỷ đồng, thời gian đầu tư dự kiến vào năm 2023.
- Ngoài ra, Công ty dự kiến tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Camimex Farm – nhà máy nuôi tôm công nghệ cao, và thành lập 01 công ty con để phát triển dòng sản phẩm tôm sinh thái phân khúc khác.

⚡ **Cập nhật tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022:**

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, Doanh thu thuần Công ty ghi nhận là 1.296 tỷ đồng, tương ứng với 36,8% kế hoạch đặt ra cho cả năm 2022 và lợi nhuận sau thuế là 64 tỷ đồng, tương ứng 44% kế hoạch lợi nhuận sau thuế đặt ra cho cả năm 2022, tăng lần lượt 49%, 138% so với cùng kỳ.

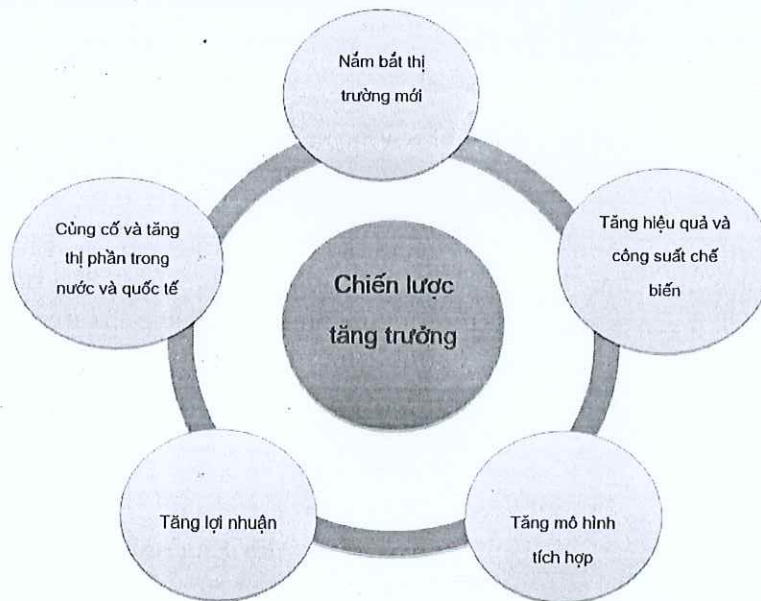
Do sản phẩm của CTCP Camimex chủ yếu là tôm qua chế biến nên quý 3,4 mới là quý xuất khẩu chủ lực của Công ty qua Châu Âu. Bởi thời điểm này là thời điểm các quốc gia ăn lễ Giáng sinh, tết Dương lịch có nhu cầu nhập khẩu lớn chuẩn bị cho mùa lễ tết và tổng kết cuối năm, nên sản phẩm xuất khẩu ở thời điểm này sẽ bán được giá nhất, đặc biệt hàng cao cấp value added người tiêu dùng có thể mua làm hộp quà tặng dịp cuối năm. Vì vậy, với kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng trong 6 tháng đầu năm (~40% kế hoạch năm), Công ty tin tưởng sẽ đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng

Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

15.1. Chiến lược phát triển của Công ty:



⚡ **Nắm bắt thị trường mới:**

- Công ty tìm cách tiếp cận mạng lưới khách hàng mạnh trong thị trường mới bằng cách tích cực liên hệ với khách hàng tiềm năng cũng như tham gia các hội chợ thương mại để tiếp thị sản phẩm.

⚡ **Tăng hiệu quả và công suất chế biến:**

- Để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và để phát triển vững mạnh, Camimex Corp

đã và đang tập trung vào việc đổi mới, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng để có được công suất tối ưu cho việc phát triển, mở rộng.

✚ **Tăng mô hình tích hợp:**

- Ngoài việc ổn định vùng nuôi hiện có, xây dựng cơ sở nuôi tôm sinh thái và tăng cường liên kết thêm với các nông lâm trường tại Cà Mau để tăng khả năng cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cao cho nhà máy chế biến. Camimex Corp còn tăng cường nhập khẩu nguyên liệu chất lượng cao về để chế biến hàng giá trị gia tăng xuất khẩu, mua đúng loại nguyên liệu, size cỡ cần thiết cho sản xuất nên giảm được tồn kho và tăng được hiệu quả sản xuất.

✚ **Tăng lợi nhuận:**

- Camimex Corp có lợi thế để tăng lợi nhuận do việc là doanh nghiệp mới thành lập nên dễ dàng cơ cấu, sắp đặt sản xuất, nhân sự để có hoạt động tối ưu, kiểm soát được đầu vào đầu ra.

✚ **Củng cố và tăng thị phần trong nước, quốc tế:**

- Lợi thế cạnh tranh của Camimex Corp là thừa hưởng uy tín thương hiệu hơn 40 năm qua của Camimex Group bao gồm mô hình tích hợp nuôi tôm, chế biến, quan hệ với các khách hàng chủ chốt, chất lượng sản phẩm cao đặc biệt là tôm sinh thái, cung cấp sản phẩm đa dạng, khả năng đáp ứng đơn đặt hàng nhanh chóng.

15.2. Định hướng phát triển của Công ty:

Đối với định hướng phát triển trong tương lai, Camimex Corp chú trọng việc gắn kết phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, cân bằng giữ lợi ích của Công ty và môi trường xã hội, thể hiện qua các tiêu chuẩn cam kết sau:

✚ **Nguồn nguyên liệu:**

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là lợi thế về nuôi tôm sú sinh thái và các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển nguồn nguyên liệu ổn định, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Phát triển quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc điểm sinh thái để tăng năng suất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng cao đạt chứng nhận tôm sinh thái.

✚ **Nâng cao chất lượng sản phẩm từ việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến.**

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên (đặc biệt là lợi thế nuôi tôm sú sinh thái) các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Ngày nay, việc áp dụng khoa học công nghệ đang được xem là kim chỉ nam để các doanh nghiệp thủy sản phát triển bền vững. Tuy nhiên, để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải có giải pháp công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển, đặc biệt khi nhắm tới các thị trường xuất khẩu khó tính như Nhật, Mỹ, EU....
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng - chế biến hải sản không chỉ giúp tăng năng suất, chất lượng mà còn giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững, mang tính đột phá, khi có được nguồn nguyên liệu ổn định, khâu chế biến thủy sản cũng cần có bước phát triển hơn nữa như đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, việc chế biến thủy sản cần tập trung vào những sản phẩm mới, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu đối với từng sản phẩm trong Công ty.

✦ **Hệ thống xử lý nước thải của 3 Nhà máy đạt chuẩn.**

- Nhà máy số 2, số 4 và sắp tới là nhà máy số 5 của Camimex liên tục được nâng cấp bằng những công nghệ hiện đại của Nhật Bản, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động. Hệ thống dây truyền máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí như carbon dioxide, methane, và các loại chất thải khác.
- Ngay từ khi thành lập tới nay, Công ty luôn đặt vấn đề an toàn với môi trường lên hàng đầu. Hệ thống xử lý chất thải luôn được ưu tiên, đặc biệt là các nguồn chất thải lỏng được xử lý hóa học, bằng các bể chứa lọc – tinh xử lý đến từng ml chất thải thân thiện với môi trường.
- Hệ thống gom xử lý chất thải hữu cơ như vỏ tôm, đầu tôm để làm nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan,... đều được xử lý vận chuyển an toàn nhất với bên thứ 3 xử lý môi trường.
- Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của Camimex đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng. Thường xuyên kiểm tra định kỳ đối với vùng nuôi tôm sinh thái thực hiện đúng các điều kiện về tỷ lệ rừng – nuôi tôm, hay việc tuyệt đối không dùng thức ăn bổ sung. Đảm bảo nguồn nước nuôi trồng hoàn toàn tự nhiên theo tiêu chuẩn của IMO, các chủ hộ liên kết thực hiện quản lý khu vực nuôi trồng của mình không có bất cứ nguồn chất thải độc hại nào vào môi trường sinh sống của tôm sinh thái.
- Các hệ thống xử lý chất thải đều được cấp giấy phép chứng nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp phép từ khi các nhà máy bắt đầu hoạt động đến nay. Hàng quý, Công ty đều có báo cáo đánh giá của các bên có chuyên môn thẩm định nước thải, không khí, tiếng ồn để báo cáo lên các cấp chính quyền. Đến nay, nhà máy hoàn toàn được sự ủng hộ của chính quyền và nhân dân địa phương tin tưởng tạo điều kiện cho Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.

✦ **Sử dụng nguyên vật liệu an toàn với môi trường**

- Camimex Corp sử dụng bao bì đóng gói có thể tái chế bằng các chất liệu cói, xốp phân hủy và các chất liệu có tính tự hủy để bảo vệ môi trường.

✦ **Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả**

- Với diện tích gần hơn 7.000 ha diện tích nuôi trồng tôm sinh thái, theo đúng cam kết tiêu chuẩn của IMO: Diện tích rừng 70% - Diện tích nuôi trồng 30%, bằng hình thức nuôi hoàn toàn tự nhiên mà không có bất kỳ sự can thiệp cơ học vào quá trình hình thành và phát triển của tôm. Điều này cho thấy việc nuôi trồng không chỉ không có ảnh hưởng xấu nào mà còn giúp rừng ngập mặn của Cà Mau ngày càng được cải thiện bởi mức độ phủ rừng mà Công ty tạo lên.
- Vấn đề về tiếng ồn, môi trường nước, môi trường được hoàn toàn đảm bảo bởi các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại từ Nhật với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Hệ thống xử lý khép kín, thu ngắn thời gian xử lý chế biến tôm nên thời gian lưu ngoài của tôm rất ngắn giúp giảm thiểu mùi ra bên ngoài. Sức người được sử dụng hợp lý nhằm giảm thải tối đa trong việc

một vài công đoạn hỗ trợ máy móc.

- Tôm được bắt đầu đưa vào bằng các băng truyền được xử lý nước tối ưu trên từng bàn chế biến hàng loạt bởi nước được tái sử dụng do quá trình lắng cặn nước nên tiết kiệm lên tới 70% lượng nước so với trước kia.
- Ưu việt của sử dụng công nghệ chế biến của Nhật Bản đã giúp công nhân chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khoẻ công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật.

✚ Phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội:

- Công ty đặt lợi ích người tiêu dùng lên hàng đầu, bởi được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn là sự phát triển của Công ty. Camimex luôn luôn tuân thủ mọi yêu cầu khắt khe về chất lượng theo các tiêu chuẩn quy định đạt được nhiều chứng chỉ uy tín cho chất lượng sản phẩm Thị trường Mỹ, EU, và các nước Đông Á đang ủng hộ tiêu thụ với sản lượng ngày càng tăng trong các năm qua.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

	Họ tên	Chức vụ	SLCP	%VĐL
<u>Hội đồng quản trị</u>				
1	Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	986.000	1,57%
2	Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0	0%
3	Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	160.000	0,25%
4	Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
5	Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT	16.000	0.03%
<u>Ban kiểm soát</u>				
1	Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng BKS	90.000	0,14%
2	Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên BKS	0	0%
3	Bà Đình Thị Hoa	Thành viên BKS	2.000	0,0032%
<u>Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng</u>				
1	Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0	0%
2	Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	160.000	0,25%
3	Bà Nguyễn Thị Lam	Quyền Kế toán trưởng	0	0%

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **BÙI SĨ TUẤN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 12/10/1971
 Nơi sinh: Thái Bình

CCCD: 034071003438 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 12.02A Khối A Chung cư Cao tầng, phường 12, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 02903.831608

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 1996 – 2006	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2006 – 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2010 – 2011	Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 10/2012 – 01/2013	Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group
▪ Từ 01/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group
▪ Từ 2008 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên niên Kỷ
▪ Từ 02/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group
Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên Niên Kỷ

Số CP nắm giữ (13/07/2022) 986.000 cổ phiếu, chiếm 1,57% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 986.000 cổ phiếu, chiếm 1,57% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

- CTCP Camimex Group (Ông Bùi Sĩ Tuấn là Chủ tịch HĐQT) sở hữu 48.315.000 cổ phiếu, chiếm 76,69% vốn điều lệ.
- Ông Bùi Đức Cường – Thành viên HĐQT (em ruột) sở hữu 160.000 cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn điều lệ.
- Bà Vũ Thị Bích Ngọc (vợ) sở hữu 1.085.000 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ.
- Ông Bùi Đức Dũng (con đẻ) sở hữu 16.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.2. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Đặng Ngọc Sơn

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh 19/06/1959
 CCCD: 036059004771 cấp ngày 03/06/2019 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Tổng cục Cảnh sát
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc Kinh
 Địa chỉ thường trú: 11/50 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thạnh, Tân Phú, TP.HCM
 Số điện thoại liên hệ: 02903.831608
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Chế biến thủy sản
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 1981 - 1994	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng
▪ 1995 - 1998	Phó Giám đốc Kỹ Thuật CTCP Dầu khí Vũng Tàu
▪ 1998 - 2001	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
▪ 2001 - 2005	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu
▪ 2005 - 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
▪ 08-2014 – 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group
▪ 07/2019 – 04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
▪ 04/2022 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
▪ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
 Số CP nắm giữ (13/07/2022) 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:
 - CTCP Camimex Group (Ông Đặng Ngọc Sơn là Phó Tổng giám đốc) sở hữu 48.315.000 cổ phiếu, chiếm 76,69% vốn điều lệ.
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.3. Ông Bùi Đức Cường – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Bùi Đức Cường

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 07/04/1973
 CCCD: 034073004540 cấp ngày 17/02/2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Tổng cục Cảnh sát
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: E114 CC KCN Tân Bình, P. Tân Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
 Số điện thoại liên lạc: 02903.831608
 Trình độ chuyên môn: Đại học – Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 1997 - 2008	Chuyên viên Công tác tại CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2009 – 02/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận – Ninh Thuận
▪ Từ 06/2013 – 02/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Camimex
▪ Từ 02/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
▪ Từ 06/2013 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
 Số CP nắm giữ (13/07/2022) 160.000 cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 160.000 cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

- CTCP Camimex Group (Ông Bùi Đức Cường là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc) sở hữu 48.315.000 cổ phiếu, chiếm 76,69% vốn điều lệ.
- Ông Bùi Sĩ Tuấn – Thành viên HĐQT (anh trai) sở hữu 986.000 cổ phiếu, chiếm 1,57% vốn điều lệ.
- Bà Vũ Thị Bích Ngọc (chị dâu) sở hữu 1.085.000 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ
- Bà Châu Thị Hoàng Hà (vợ) sở hữu 15.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.4. Ông Trần Minh Thiệu – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trần Minh Thiệu
 Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh 02/01/1960
 Nơi sinh Xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
 CMND: 025025902, ngày cấp: 04/03/2010, nơi cấp: CA TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc Kinh
 Địa chỉ thường trú: 571/25A Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
 Số điện thoại liên lạc 02903.831608
 Trình độ chuyên môn Cử nhân luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 1987 - 2000	Cán bộ, thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, Nam Định.
▪ 2000 - 2002	Cán bộ phòng tổ chức Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội Sài Gòn
▪ 2002- 2004	Giám định viên Công ty bảo hiểm Sài Gòn
▪ 2004 - nay	Cán bộ tư vấn, Luật sư, Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành
▪ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Luật sư, Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành.
 Số CP nắm giữ (13/07/2022) 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.5. Ông Bùi Đức Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Bùi Đức Dũng
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh 18/11/1995
 Nơi sinh Thái Bình
 CCCD: 034095009367, ngày cấp: 22/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC và TTXH
 Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 12.02 Lô A C/C 974 A Trường Sa, P.12, Q3, TP. Hồ Chí Minh
 Số điện thoại liên lạc: 02903.831608
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 2018 - 2020	Giám đốc phát triển dự án CTCP Camimex Group
▪ 2021 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Logistics
▪ 2022 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Logistics
 Số CP nắm giữ (13/07/2022): 16.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 16.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:
 - Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch HĐQT (bố đẻ) sở hữu 986.000 cổ phiếu, chiếm 1,57% vốn điều lệ.
 - Bà Vũ Thị Bích Ngọc (mẹ đẻ) sở hữu 1.085.000 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Bà Lữ Hồng Lam – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Lữ Hồng Lam
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 22/09/1962
 Nơi sinh: Xã Tân Phong, Huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu
 CCCD: 095162000576 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 1/5/2021
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế thủy sản và chứng chỉ kế toán trưởng doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ T6/1987 – T2/2002	Nhân viên kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex

▪ Từ T2/2002 – T6/2006	Phó phòng kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex
▪ Từ T7/2006 - 10/2020	Phó phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Camimex Group
▪ Từ 6/2021 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (13/07/2022) 90.000 cổ phiếu, chiếm 0,14 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 90.000 cổ phiếu, chiếm 0,14 % vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2.2. Ông Nguyễn Hoài Linh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Hoài Linh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/11/1991

CCCD: 096091004537 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 13/08/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 4/2017 – 07/2020	Nhân viên Ban Kinh doanh CTCP Camimex
▪ Từ 07/2020 - nay	Nhân viên Ban Quản trị Nhân sự, tiền lương tại CTCP Camimex
▪ Từ 6/2021 - đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát, nhân viên Ban QTNS, TL

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (13/07/2022) 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2.3. Bà Đinh Thị Hoa – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Đinh Thị Hoa

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/09/1978

CCCD: 096178009511 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 13/08/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 2018 – 2020	Nhân viên Ban kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Camimex
▪ Từ 2020 – đến nay	Phó phòng Hành chính Công ty cổ phần Camimex
▪ Từ 6/2021 - đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Camimex

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS, phó phòng hành chính

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (13/07/2022) 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,0032% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

+ Cá nhân sở hữu: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,0032% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm TGD (Xem mục 1.2)

3.2. Ông Bùi Đức Cường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc (Xem mục 1.3)

3.3. Bà Nguyễn Thị Lam – Quyền Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Thị Lam
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 13/03/1988
 Nơi sinh: Tỉnh Cà Mau
 CMND: 381451192 do CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 20/09/2018
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/2010 – 04/2014	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần CBTS & XNK Cà Mau (Nay là Camimex Group), Công ty TNHH Thủy sản Camimex (Nay là Camimex Corp)
05/2014 – 05/2021	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Camimex Group (Camimex Group), Công ty Cổ phần Camimex (Camimex Corp)
06/2021 - đến nay	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Camimex Group (Camimex Group), Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Camimex (Camimex Corp)

Chức vụ công tác tại Công ty: Quyền Kế toán trưởng
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Camimex Group (Camimex Group)
 Số CP nắm giữ (13/07/2022) 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trong giai đoạn 2022-2023, Công ty đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

- Giám sát HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, BTGD trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

- BKS sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc cũng như thực hiện các hoạt động giám sát thông qua các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và BTGD.
- BKS sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Phụ lục 01 đính kèm.

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

Phụ lục 02

IV. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020.
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Camimex.
3. BCTC hợp nhất và riêng lẻ đã kiểm toán năm 2021.
4. BCTC hợp nhất và riêng lẻ soát xét Quý II/2022.
5. Bản sao văn bản số 3158/UBCK-GSĐC ngày 26/5/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đăng ký công ty đại chúng của CTCP Camimex.
6. Bản sao văn bản số 3924/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Camimex.
7. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 32/2022/GCNCP-VSD ngày 04/07/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu	
1.	Hội đồng quản trị										
1.1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT		CCCCD	034071003438	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Không có	986.000	1,57%	
1.1.1.	Bùi Kim Quốc		Bố đẻ		Đã mất						
1.1.2.	Phạm Thị Nga		Mẹ đẻ	CMND	150008365	06/03/2008	CA Tỉnh Thái Bình		0	0%	
1.1.3.	Nguyễn Thị Tơ		Mẹ vợ	CCCCD	034142000851	12/12/2016	Cục CS ĐKQL Cư trú & QL Dân cư		0	0%	
1.1.4.	Vũ Thị Bích Ngọc		Vợ	CMND	024879911	24/07/2008	CA TPHCM		1.085.000	1,72%	
1.1.5.	Bùi Đức Dũng		Con ruột	CMND	034095009367	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH		16.000	0,03%	
1.1.6.	Bùi Vũ Diệu Anh		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%	
1.1.7.	Bùi Vũ Thảo Anh		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%	

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.1.8.	Bùi Đức Cường		Em ruột	CCCD	034073004540	17/02/2017	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư		160.000	0,25%
1.1.9.	Châu Thị Hoàng Hà		Em dâu	CMND	381624806	18/12/2008	CA Tỉnh Cà Mau		15.000	0,02%
1.1.10.	Bùi Đức Dương		Em ruột	CMND	024780150	19/09/2007	CA TPHCM		0	0%
1.1.11.	Hồ Thị Mai Phương		Em dâu	CMND	024780151	11/09/2015	CA TPHCM		0	0%
1.1.12.	Công ty CP Camimex Group		Chủ tịch HĐQT	ĐKKD	2000103908	12/01/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		48.315.000	76,69%
1.1.13.	Công ty CP Vốn Thiên Niên Kỳ		Chủ tịch HĐQT	ĐKKD	0305793603	04/06/2008	Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM		0	0%
1.1.14.	CT TNHH Camimex Organic		Chủ tịch HĐTV	ĐKKD	2001014506	07/04/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.1.15.	CTCP Camimex Logistics		Thành viên HĐQT	ĐKKD	0315120124	22/06/2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM		0	0%
1.1.16.	CTCP Camimex Foods		Chủ tịch HĐQT	ĐKKD	2001309274	14/03/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		0	0%
1.2	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc		CCCD	036059004771	06/03/2019	Cục CS QLHC về TTXH	Không có	0	0%
1.2.1.	Nguyễn Thị Kim Hoa		Vợ	CMND	024808321	03/10/2007	CA TPHCM		0	0%
1.2.2.	Đặng Kiều Hương		Con ruột	CMND	024808394	05/10/2007	CA TPHCM		0	0%
1.2.3.	Đặng Minh An		Con ruột	CMND	026020180	10/07/2012	CA TPHCM		0	0%
1.2.4.	Bùi Văn Khan		Con rể	CMND	321014874	13/08/2009	CA Bến Tre		0	0%
1.2.5.	Đặng Thị Trúc		Chị ruột	CMND	013371493	25/12/2010	CA TP Hà Nội		0	0%
1.2.6.	Đặng Thế Dân		Anh ruột	CMND	012121212	03/10/2012	CA TP Hà Nội		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.2.7.	Đặng Thị Phương		Em ruột	CMND	011207579	21/01/2005	CA TP Hà Nội		0	0%
1.2.8.	Phạm Ngọc		Em rể	CCCD	036060000002	25/10/2012	CA Hà Nội		0	0%
1.2.9.	Công ty CP Camimex Group		Phó Tổng Giám đốc	ĐKKD	2000103908	12/01/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		48.315.000	76,69%
1.2.10.	Công ty CP Camimex Foods		Thành viên HĐQT	ĐKKD	2001309274	14/03/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		0	0%
1.3	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc		CCCD	034073004540	17/02/2017	Cục CS ĐKQLC T và DLQG về dân cư	Không có	160.000	0,25%
1.3.1.	Bùi Kim Quốc		Bố đẻ		Đã mất					
1.3.2.	Phạm Thị Nga		Mẹ đẻ	CMND	150008365	06/03/2008	CA Tỉnh Thái Bình		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.3.3.	Châu Thị Hoàng Hà		Vợ	CCCD	095174000081	17/02/2017	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư		15.000	0,02%
1.3.4.	Châu Hoàng Thanh		Bố vợ	CMND bị thất lạc (đã lớn tuổi)					0	0%
1.3.5.	Nguyễn Thị Ứng		Mẹ vợ	CMND bị thất lạc (đã lớn tuổi)					0	0%
1.3.6.	Bùi Diệu Linh		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%
1.3.7.	Bùi Diệu Tiên		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%
1.3.8.	Bùi Diệu Chi		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%
1.3.9.	Bùi Sĩ Tuấn		Anh ruột	CCCD	034071003438	17/08/2016	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư		986.000	1,57%
1.3.10.	Bùi Đức Dương		Em ruột	CMND	024780150	19/09/2007	CA TPHCM		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.3.11.	Hồ Thị Mai Phương		Em dâu	CMND	024780151	11/09/2015	CA TPHCM		0	0%
1.3.12.	Vũ Thị Bích Ngọc		Chị dâu	CMND	024879911	24/07/2008	CA TPHCM		1.085.000	1,72%
1.3.13.	Công ty CP Camimex Group		Thành viên HQQT kiêm PTGD	ĐKKD	2000103908	12/01/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		48.315.000	76,69%
1.3.14.	CTCP Camimex Foods		Phó chủ tịch HQQT kiêm TGD	ĐKKD	2001309274	14/03/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		0	0%
1.4	Trần Minh Thiệu	Thành viên HQQT độc lập		CMND	025025902	04/03/2010	CA TPHCM	Không có	0	0%
1.4.1.	Trần Minh Khuê		Bố đẻ		Đã mất				0	0%
1.4.2.	Trần Thị Phương		Mẹ đẻ						0	0%
1.4.3.	Lương Thị Thắm		Vợ	CMND	025099876	25/02/2009	CA TPHCM		0	0%
1.4.4.	Trần Đức		Con ruột	Hộ chiếu	B8610951	16/12/2013	Cục quản lý XNC		0	0%
1.4.5.	Trần Thị Nhung		Con ruột	CMND	025028058	30/05/2013	CA TPHCM		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.4.6.	Trần Ngọc Hiệu		Em ruột	CCCD	036062004423	13/04/2019	Cục CS QLHC về TTXH		0	0%
1.4.7.	Trần Ngọc Hiếu		Em ruột	CCCD	036066001027	28/03/2016	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư		0	0%
1.4.8.	Trần Ngọc Đế		Em ruột	CCCD	036069005305	26/02/2019	Cục CS QLHC về TTXH		0	0%
1.4.9.	Trần Bình Lục		Em ruột	CCCD	036071005007	21/06/2018	Cục CS QLHC về TTXH		0	0%
1.4.10.	Công ty Luật hợp danh Sài Thành		Phó giám độc	CCCD	0305355141	12/12/2007	UBND TPHCM		0	0%
1.5	Bùi Đức Dũng	Thành viên HQQT		CCCD	034095009367	22/12/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Không có	16.000	0,03%
1.5.1.	Bùi Sĩ Tuấn		Cha	CCCD	034071003438	17/08/2016	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư		986.000	1,57%
1.5.2.	Vũ Thị Bích Ngọc		Mẹ	CMND	024879911	24/07/2008	CA TPHCM		1.085.000	1,72%
1.5.3.	Bùi Vũ Diệu Anh		Em ruột		Còn nhỏ				0	0%
1.5.4.	Bùi Vũ Thảo Anh		Em ruột		Còn nhỏ				0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1.5.5.	Công ty cổ phần công nghệ cao Camimex		Thành viên HĐQT	ĐKKD	2001322370	02/12/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau		0	0%
2.	Ban Kiểm soát									
2.1.	Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban kiểm soát		CCCD	095162000576	01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Không có	90.000	0,14%
2.1.1.	Lữ Triều Huống		Cha đẻ		Đã mất					
2.1.2.	Nguyễn Kim Chi		Mẹ đẻ		Đã mất					
2.1.3.	Lữ Hồng Quân		Anh ruột	CMND	385110229	14/08/2012	CA Tỉnh Bạc Liêu		0	0%
2.1.4.	Lữ Việt Quân		Anh ruột	CMND	370396879	03/01/2006	CA. Tỉnh Kiên Giang		0	0%
2.1.5.	Lữ Hồng Nhiên		Chi ruột	CMND	385063317	03/07/2014	CA Tỉnh Bạc Liêu		0	0%
2.1.6.	Lữ Hồng Thắm		Chị ruột	CMND	385496732	07/04/2018	CA Tỉnh Bạc Liêu		0	0%
2.1.7.	Lữ Thanh Lam		Em ruột	CMND	385497079	09/08/2017	CA Tỉnh Bạc Liêu		0	0%
2.1.8.	Châu Long		Chồng	CMND	380707970	27/06/2009	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
2.1.9.	Châu Lâm		Con ruột	CMND	381830811	21/03/2014	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
2.2	Nguyễn Hoài Linh	Thành Viên BKS, Người UQ CBTT		CCCD	096091004537	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH		0	0,00%
2.2.1	Nguyễn Văn Trường		Cha ruột	CMND	381047771	10/02/2017	CA Tỉnh Cà Mau		0	0,00%
2.2.2	Nguyễn Thị Thêm		Mẹ ruột	CMND	381372619	31/03/2020	CA Tỉnh Cà Mau		0	0,00%
2.2.3	Nguyễn Tuấn Linh		Anh ruột	CMND	381372620	08/08/2018	CA Tỉnh Cà Mau		0	0,00%
2.2.	Đình Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát		CCCD	096178009511	13/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Khôn g có	2.000	0.0032%
2.3.1	Đình Thị Tâm		Mẹ ruột	CMND	025714327	10/12/2012	TP HCM		0	0,00%
2.3.2	Đình Lệnh Dũng		Anh ruột	CCCD	096073000011	06/07/2016	Cục CS ĐKQL Cư trú & QLQG về dân cư		0	0,00%
2.3.3	Đình Thị Dung		Chị ruột	CMND	380801633	24/10/2018	Cà Mau		0	0,00%
2.3.4	Lê Đình Quỳnh Anh		Con ruột		Còn nhỏ				0	0,00%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
2.3.5	Lê Đình Vân Anh		Con ruột		Còn nhỏ				0	0,00%
3.	Ban Giám đốc									
3.1.	Đặng Ngọc Sơn (Xem phần HĐQT)	Thành viên HĐQT -Tổng Giám đốc								
3.2.	Bùi Đức Cường (Xem phần HĐQT)	Thành viên HĐQT -Phó Tổng Giám đốc								
4.	Kế toán trưởng									
4.1	Nguyễn Thị Lam	Quyền Kế toán trưởng		CMND	381451192	20/09/2018	CA Tỉnh Cà Mau	Không có	0	0%
4.1.1	Nguyễn Văn Tỉnh		Bố đẻ	CMND	381182518	25/05/2000	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
4.1.2	Nguyễn Hồng Xa		Mẹ đẻ	CMND	380233622	17/01/1980	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
4.1.3	Lê Sơn Kha		Chồng	CCCD	096070000093	16/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH		0	0%
4.1.4	Lê Tiến Thành		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%
4.1.5	Lê Tiến Đạt		Con ruột		Còn nhỏ				0	0%
4.1.6	Nguyễn Thị Ân		Chị ruột	CMND	381893006	14/09/2017	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
4.1.7	Nguyễn Thị Nhanh		Chị ruột	CMND	381219677	11/08/2016	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
4.1.8	Nguyễn Thủy Nhớ		Chị ruột	CCCD	096185008415	28/06/2021	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
4.1.9	Nguyễn Thùy Linh		Em ruột	CMND	381891017	31/03/2015	CA Tỉnh Cà Mau		0	0%
II	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)									

TT	Họ và tên	Chức vụ (đối với NNB)	Mối quan hệ đối với công ty/ NNB	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Tài khoản LKCK	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Camimex Group		Tổ chức có liên quan đến người nội bộ: Ông Bùi Sĩ Tuấn, Bùi Đức Cường, Đặng Ngọc Sơn;	ĐKKD	2000103908	12/01/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau	Không có	48.315.000	76,69%
III	Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan									
1	Nguyễn Hoài Linh(Xem phần BKS)	Thành Viên BKS								

PHỤ LỤC 02: THÔNG KÊ CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THEO BCTC HỢP NHẤT

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên HĐQT và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Các TV HĐQT			
Mua cổ phần từ các cổ đông khác		7.300.000.000	
Nhận góp vốn bằng tiền	1.000.000.000		
Vay tiền không lãi suất	2.200.000.000	24.670.000.000	
Trả tiền vay	(2.200.000.000)	(24.250.000.000)	
Ứng trước tiền mua đất		2.500.000.000	
Tạm ứng cổ tức			203.619.478
Các thành viên Ban TGD			
Vay tiền không lãi suất	135.000.000		
Trả tiền vay	(5.848.250.000)		
Nhận góp vốn bằng tiền	1.500.000.000		
Tạm ứng cổ tức			62.996.046
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt			
Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.885.210.814	-
Vay tiền không lãi suất	9.150.000.000	950.000.000	
Trả tiền vay	(5.000.000.000)		-

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Tạm ứng cổ tức			220.486.161

Cam kết bảo lãnh

Các TV HĐQT đã dùng cổ phiếu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 383.628.000.000 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Vay các cá nhân có liên quan	33.802.000.000	8.720.000.000	8.720.000.000
Vay CTCP Camimex Group	-	7.770.081.030	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	585.102.180	72.000.000	36.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	227.124.740	282.639.849	141.485.402
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	227.121.680	282.640.669	141.487.026
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT		48.000.000	24.000.000
Ông Trần Quốc Phong	Thành viên HĐQT		44.000.000	Miễn nhiệm 18/4/2022
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	122.733.207		Miễn nhiệm 10/7/2020
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	311.461.313	232.795.915	117.488.409
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng BKS		18.800.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đăng Duân	Trưởng BKS		17.200.000	Miễn nhiệm 23/6/2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên BKS		12.533.333	12.000.000

Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên BKS	12.533.333	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Thăng	Thành viên BKS	11.466.667	Miễn nhiệm 23/6/2021
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên BKS	11.466.667	Miễn nhiệm 23/6/2021
Tổng cộng		1.473.543.120	1.046.076.333
			506.194.170

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Danh mục các bên liên quan khác:

Công ty	Quan hệ
Công ty CP Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty TNHH Camimex Farm	Công ty con
Công ty CP Camimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty liên quan của thành viên HĐQT của Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	Công ty liên quan của thành viên HĐQT của Công ty
Ông Nguyễn Xuân Toán	Cổ đông góp vốn

3. Giao dịch với các bên liên quan

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Công ty CP Camimex Group			
Nhận góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng	68.447.000.000		49.300.513.000
Mua tài sản cố định	8.500.000.000		
Cho vay không lãi suất	(176.901.000.000)		
Thu tiền cho vay	93.839.143.000		
Vay tiền		11.701.081.030	12.973.140.000
Trả tiền vay		(3.931.000.000)	(20.743.221.030)
Nhận ứng trước tiền hàng		151.000.000.000	

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Doanh thu bán thành phẩm	1.324.260.000	65.388.822.950	
Doanh thu gia công	5.142.681.855	22.332.265.178	
Nhận chuyển nhượng đất thuê trả tiền thuê đất một lần			21.742.000.000
Hoàn trả quyền sử dụng đất đã nhận góp vốn			(49.300.513.000)
Tạm ứng cổ tức			9.818.238.584
Công ty CP Camimex Logistics			
Chi phí dịch vụ vận chuyển	18.335.858.147	49.048.245.142	36.977.903.988
Công ty CP Camimex Foods			
Mua hàng hóa	125.582.074.468	231.522.591.507	127.577.273.353
Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu	2.408.619.375	20.373.154.454	13.575.040.150
Chi phí gia công	27.185.250	1.230.207.635	6.126.835.358
Vay tiền	1.000.000.000	50.468.000.000	74.760.000.000
Trả tiền vay	(1.000.000.000)	(55.978.493.964)	(74.760.000.000)
Doanh thu bán hàng hóa	38.220.500	287.007.900	
Doanh thu bán thành phẩm	3.894.299.350	5.288.667.600	
Doanh thu gia công	4.392.057.740	1.695.600	
Công ty CP Công nghệ cao Camimex			
Vay tiền	5.000.000.000		
Trả tiền vay		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Nhận tiền hoàn lại từ dự án nuôi tôm công nghệ cao		11.5112.270.000	
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải			
Mua hàng hóa	69.612.611.333	125.500.788.151	16.170.252.332
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	(83.503.450.371)		-
Vay tiền không lãi suất	47.479.422.691	113.786.900.000	
Trả tiền vay	(89.074.124.826)	(122.979.829.297)	
Doanh thu bán hàng hóa	45.936.678.050		
Doanh thu bán thành phẩm	21.079.204.866	117.706.782.283	
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát			
Mua hàng hóa	14.291.292.860		-
Chi phí gia công	1.792.847.000	267.455.900	589.350.600

Giao dịch	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022
Vay tiền không lãi suất	30.400.000.000	-	
Trả tiền vay	(30.400.000.000)	-	
Doanh thu bán hàng hóa	54.050.805.149		
Doanh thu bán thành phẩm		50.156.832.079	
Ông Nguyễn Xuân Toán			
Vay tiền không lãi suất	65.114.000.000	13.500.000.000	
Trả tiền vay	(55.500.000.000)	(37.962.000.000)	

Cà Mau, ngày 24 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT




BÙI SĨ TUẤN

